

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HÌNH

21 Nguyễn Huệ, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt nam
Tel: 84 056.2 222 176 / Fax: 84 056.3 894 276



HỒ SƠ MỜI THẦU

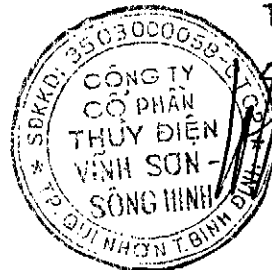
**Gói thầu (TKT-4.2.1): Thiết kế và xây dựng
Tuyến năng lượng đoạn 2 (E&CEL2)**

**Tên dự án: dự án thủy điện Thượng Kontum
Tên chủ đầu tư: Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình**

**TẬP 2 : CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG
CHƯƠNG II: CÁC ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ**

Quy Nhơn, ngày 20. tháng 11. năm 2009

**Đại diện bên mời thầu
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Trung

HỒ SƠ MỜI THẦU

GÓI THẦU: THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TUYẾN NĂNG LƯỢNG
ĐOẠN 2 (E&CEL2)

TẬP 1 HƯỚNG DẪN NHÀ THẦU

TẬP 2 CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

TẬP 3 CÁC ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT

TẬP 4 BIỂU KHAI GIÁ

TẬP 5 DỮ LIỆU CHO NHÀ THẦU



NỘI DUNG

TẬP 2 – CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

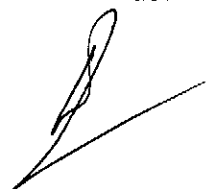
- CHƯƠNG I ĐIỀU KIỆN CHUNG
- CHƯƠNG II ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ
- CHƯƠNG III BIỂU MẪU DỰ THẦU
- CHƯƠNG IV CÁC BIỂU THÔNG TIN BỔ SUNG



CHƯƠNG II: CÁC ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Phần A - DỮ LIỆU HỢP ĐỒNG

Phần B - CÁC ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ



CHƯƠNG II: Các Điều kiện cụ thể

Phần A - DỮ LIỆU HỢP ĐỒNG

Các Điều kiện	Khoản	Dữ kiện
Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư.....	1.1.1.2.2 &1.3	Công ty Cổ Phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh 21 Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt nam.
Tên người vay.....	1.1.2.11... 1.1.2.12...	Công ty Cổ Phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
Thời gian hoàn thành công trình.....	1.1.3.3	1.278 ngày kể từ Ngày khởi công (xem 8.1.) / hay 918 ngày sau khi bàn giao điểm cuối Hàm giao thông (tùy thời điểm nào là muộn hơn) – xem mục 8.2 [Thời gian hoàn thành]. <i>(Các hạng mục xem tại Bảng: Tóm tắt các hạng mục)</i>
Thời gian thông báo sai sót.....	1.1.3.7.....	365 ngày từ ngày sau khi các sai sót, hư hỏng được làm tốt hay thay thế.
Các hạng mục.....	1.1.5.6.....	<i>xem Bảng: Tóm tắt các hạng mục</i>
Các hệ thống chuyển tải điện tử.....	1.3.	Tel: +(84)56. 3892 792/ 2 222 176 Fax: +(84)56. 3891 975/ 3 894 276 Email: hpp_vssh@evn.com.vn
Luật điều chỉnh.....	1.4.1	Luật áp dụng Hợp đồng này sẽ là Luật Việt nam.

Ngôn ngữ quy định....	1.4.2	Ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng là Tiếng Việt và Tiếng Anh trong đó: a) Ngôn ngữ Tiếng Việt hoặc tiếng Anh sử dụng trong: - Các hồ sơ Đấu thầu, Hợp đồng (mục b) - Các bản vẽ, hồ sơ Thiết kế của Chủ đầu tư và/hoặc Nhà thầu - Giao tiếp giữa các Bên. b) Ngôn ngữ Tiếng Anh sử dụng chủ đạo trong trường hợp Nhà thầu không phải người Việt Nam, đối với: - Các điều kiện cụ thể, Phần A - Các điều kiện cụ thể, Phần B - Điều kiện Chung của Hợp đồng. - Việc phân xử của trọng tài trong trường hợp tranh chấp với Nhà thầu nước ngoài.
Ngôn ngữ giao tiếp....		Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh
Thời gian cho tiếp cận công trường.....	2.1	Sau Ngày khởi công (mục 8.1).
Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.....	4.2	Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ theo mẫu của do Chủ đầu tư quy định với tổng số là 15% Giá trị Hợp đồng bằng USD tính theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại ngày Chủ đầu tư phát hành Thư chấp thuận.
Giờ làm việc bình thường.....	6.5	8 tiếng/ ngày (không bao gồm thời gian ăn giữa buổi và nghỉ ngơi),
Thời gian Phát hành Thông báo khởi công	8.1	30 ngày sau ngày Chủ đầu tư phát hành Thư chấp nhận.
Thiệt hại đến công trình do chậm trễ.....	8.7	Được xác định theo tỷ lệ % và trừ thẳng vào giá trị Hợp đồng, như sau:

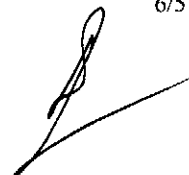
		<p>a) Nộp hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Dữ liệu mời thầu Thiết bị công nghệ: Phạt chậm trễ 0,05%/ngày.</p> <p>b) Đối với tổ máy số 1: Phạt chậm trễ 0,05%/ngày.</p> <p>c) Đối với toàn bộ công trình: - Chậm trễ 10 ngày đầu phạt 0,1%/ ngày - Chậm trễ trên 10 ngày, phạt 0,2%/ ngày</p>
Số tiền tối đa của Thiệt hại do chậm trễ.....	8.7	12% của số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng được thanh toán bằng các loại tiền tệ và các tỷ lệ trong đó số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng được thanh toán.
Khoản tiền tạm thời.....	13.5.(b). (ii)...	Không áp dụng
Điều chỉnh do thay đổi trong chi phí.....	13.8....	<p>Chi phí gói thầu được thanh toán bằng hai loại tiền tệ, việc điều chỉnh Giá Hợp đồng được áp dụng như sau:</p> <p>a) Đối với Ngoại tệ: Không điều chỉnh.</p> <p>b) Đối với Đồng Việt Nam (VND):</p> <p>i) Thanh toán với Giá trúng thầu (không điều chỉnh) đối với các Chứng chỉ thanh toán trong vòng 12 tháng sau Ngày Hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>ii) điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát (chỉ số CPI) trong vòng 12 tháng theo công bố của Tổng cục Thống kê, cho đến trước ngày chấp nhận Chứng chỉ thanh toán bởi Chủ đầu tư và chỉ tính cho giá trị được thanh toán trong kỳ (bằng số tiền được thanh toán theo Khoản 14.2 [Ứng trước]).</p>
Tổng số tiền tạm ứng.....	14.2.....	<p>- Đợt 1: 7,5% Giá trị Hợp đồng, sau khi nhận được Bảo lãnh Hợp đồng,</p> <p>- Đợt 2: 7,5% Giá trị Hợp đồng, sau khi Thiết kế kỹ thuật và Hồ sơ kỹ thuật của Thiết bị công nghệ được phê duyệt</p>
Chi trả dần khoản tạm ứng trước.....	14.2..	<p>Việc ứng trước sẽ được hoàn trả thông qua các chiết khấu phần trăm trong Chứng chỉ thanh toán tạm được xác định bởi Chủ đầu tư như sau:</p> <p>(a) Mỗi lần thanh toán tạm theo Khoản 14.7 [Thanh</p>

		<p>toán], Chủ đầu tư giữ lại 25% Giá trị của Chứng chỉ thanh toán đó, bao gồm khoản thu hồi Tạm ứng (15%) và khoản tiền Tạm giữ lại (10%).</p> <p>(b) Đến khi tổng số tiền Thanh toán tạm (lũy kế) bằng 80% Giá trị Hợp đồng thì không trừ nữa.</p>
Số phần trăm giữ lại.....	14.2..	20% giá trị Hợp đồng.
Giới hạn số tiền giữ lại.....	14.9	10% giá trị chứng chỉ thanh toán
Số tiền tối thiểu của các chứng chỉ thanh toán tạm thời.....	14.6	0.5 % Giá Hợp đồng
Tổng trách nhiệm tối đa của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư.....	17.6	Không vượt quá 15% Giá trị Hợp đồng (nhưng không bao gồm Điều khoản 13.9 [Điều chỉnh do không đảm bảo mức tổn thất thủy lực]; Khoản 17.1 [Bồi thường] và Khoản 17.5 [Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ])
Thời hạn nộp bảo hiểm:	18..	
a. Chứng cơ bảo hiểm.....	18.1	Ngày nộp Hồ sơ dự thầu
b. Các hợp đồng bảo hiểm liên quan.....	18.1	60 Ngày sau ngày phát hành Thư chấp thuận của Chủ đầu tư
Trọng tài		Trung tâm trọng tài Quốc Tế Việt Nam bên cạnh Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (http://www.viac.org.vn)



Bảng: Tóm tắt các hạng mục

Tên hạng mục/Mô tả (Khoản 1.1.5.6)	Thời gian hoàn thành (Khoản 1.1.3.3)	Thiệt hại do chậm trễ (Khoản 8.7)
<u>Phần thiết kế:</u>		
- Báo cáo bắt đầu (bao gồm nghiên cứu hồ sơ và khảo sát bổ sung) và tiêu chuẩn Thiết kế.	Theo Tiến độ quy định tại Tập 5 [Dữ liệu cho Nhà thầu]	
- Ngày nhà thầu đệ trình Thiết kế Kỹ thuật và Hồ sơ kỹ thuật của Thiết bị công nghệ.	90 ngày sau Ngày khởi công, theo điều 8.1.	Khoản 8.7
- Ngày đệ trình Thiết kế Bản vẽ thi công và Dự toán (bản nháp).		
- Ngày đệ trình Thiết kế Bản vẽ thi công và dự toán (Bản cuối).		
<u>Phần xây dựng:</u>		
- 14 Km đường hầm dẫn nước (bao gồm thép bọc – nếu có)	Theo Tiến độ quy định tại Tập 5 [Dữ liệu cho Nhà thầu]	
- Tháp Điều áp		
- Khoảng 2km đường hầm/ống áp lực (bao gồm thép bọc)		
- Nhà máy thủy điện ngầm.		
- Hầm xả		
- Kênh xả		
- Trạm phân phối điện 220 kV		
- Hầm cáp		
- Hầm thông gió		
- Tổ máy số 1:	Khoản 1.1.3.3	Khoản 8.7
- Toàn bộ công trình	Khoản 1.1.3.3	Khoản 8.7



Phần B - Những Điều kiện cụ thể

Những Điều kiện cụ thể sau đây sửa đổi và/hoặc bổ sung cho Những Điều kiện chung khi và chỗ được ghi chú. Những Điều kiện cụ thể này có quyền ưu tiên hơn Những Điều kiện chung.

Những “Điều”, “Khoản”, “Mục” hay “Đoạn” được Bổ sung hoặc Thay đổi thì được viết lại. Những “Điều”, “Khoản”, “Mục” hay “Đoạn” có ghi chú “(không thay đổi)” có nghĩa là nội dung của phần sau đó (kể cả phần diễn giải) được giữ nguyên.

1. Những quy định chung

1.1. Định nghĩa

Ngoài các tiêu mục nêu dưới đây, các tiêu mục khác không thay đổi.

1.1.2.1 “**Chủ đầu tư**” là Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

1.1.2.4 “**Kỹ sư**” (hoặc Nhà Tư vấn): Công việc chỉ định cho “Kỹ sư” được giao cho “Chủ đầu tư”.

1.1.2.6 “**Nhân lực Chủ đầu tư**” là Đại diện của Chủ đầu tư, trợ lý theo khoản 3.1.2 [Nhân sự khác của Chủ đầu tư] và tất cả những nhân viên, người lao động khác, hoặc những người làm khác của Chủ đầu tư hoặc những người được Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu.

1.1.2.8 “**Nhà thầu phụ**” là bất kỳ người nào được chỉ ra trong Hợp đồng là thầu phụ thỏa mãn điều 4.4 hoặc bất kỳ người nào được chỉ định theo điều 4.5 là thầu phụ cho một phần của công trình và những người kế tục hợp pháp theo chức danh của mỗi một trong số những người nói trên.

1.1.4.6 “**Ngoại tệ**” là loại tiền tệ mà bằng loại tiền đó một phần của Giá Hợp đồng phải trả, được thỏa thuận theo Hợp đồng.

1.1.4.8 “**Nội tệ**” là đồng tiền Việt Nam (VND)

1.1.5.4 “**Công trình vĩnh cửu**” là các công trình vĩnh cửu sẽ do Nhà thầu thi công theo Hợp đồng được nêu trong Bảng tóm tắt các hạng mục (Phần A).

1.1.5.9 “**Công việc**” là từng công việc, bộ phận cấu thành hạng mục công trình được xác định trong mục 10.1.

1.1.5.10 “**Tuyến Năng lượng**” bao gồm: Tuyến dẫn nước, Nhà máy thủy điện, Trạm phân phối 220 KV.

1.1.5.11 “**Tổ máy số 1**” bao gồm: i) Đoạn 1 Tuyến Năng lượng (thuộc gói thầu TKT-2.2.1: Cửa nhận nước và 3.000 m đầu của hầm dẫn nước); ii) Đoạn 2 (phần xây dựng trong Hợp đồng này): hầm dẫn tiếp theo tới Tháp điều áp; Tháp điều áp; đoạn hầm (hoặc ống) áp lực từ Tháp điều áp tới Nhà máy; phần xây dựng đảm bảo cho Tổ máy số 1 vận hành; Hầm và Kênh xả sau Nhà máy; iii) phần cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm “Tổ máy số 1” (phần thiết bị thuộc gói thầu TKT-4.2.2).

1.2. Diễn giải (không thay đổi)

1.3. Các cách thông tin

Địa chỉ của Chủ đầu tư cho việc thông tin:

Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

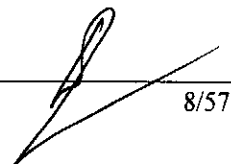
21 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định Việt Nam

Tel: +(84)56. 3 892 792/ 3 894 276; Fax: +(84)56. 3 891 975/ 2 222176

Email: hpp_vssh@evn.com.vn

Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu:

.....



1.4. Luật và ngôn ngữ:

quy định tại Điều kiện cụ thể - Phần A (Dữ liệu Hợp đồng)

1.5. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu (không thay đổi)

1.6. Thoả thuận hợp đồng (không thay đổi)

1.7. Nhượng lại (không thay đổi)

1.8. Sự cẩn trọng và cung cấp tài liệu (không thay đổi)

1.9. Các bản vẽ hoặc chỉ dẫn bị chậm trễ và Bảo mật

1.9.1 Các bản vẽ hoặc chỉ dẫn bị chậm trễ

Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư bất cứ khi nào công trình có vẻ có thể bị chậm trễ hoặc gián đoạn nếu các bản vẽ hoặc chỉ dẫn cần thiết không được phê duyệt trong vòng một thời gian cụ thể hợp lý. Thông báo này phải gồm các chi tiết của bản vẽ hoặc chỉ dẫn cần thiết, các chi tiết về tại sao và khi nào nó cần được đưa ra, và bản chất và mức độ chậm trễ hoặc gián đoạn có thể gặp phải nếu bị muộn.

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và /hoặc chịu chi phí do Chủ đầu tư không phê duyệt bản vẽ hoặc các hướng dẫn (theo nghĩa vụ của Chủ đầu tư) đã thông báo trong vòng một thời gian hợp lý và được chỉ rõ trong thông báo với các chi tiết hỗ trợ.

Sau khi nhận được thông báo tiếp theo, Nhà thầu phải tiến hành như nêu trong Khoản 3.3 [Quyết định] để nhất trí hoặc xác định những vấn đề này.

1.9.2 Bảo mật (không thay đổi)

1.10. Việc Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu (không thay đổi)

1.11. Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu Chủ đầu tư (không thay đổi)

1.12. Các chi tiết bí mật (không thay đổi)

1.13. Tuân thủ luật pháp (không thay đổi)

1.14. Trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng (không thay đổi)

1.15. Việc thẩm tra và kiểm toán của Ngân hàng (không thay đổi)

2. Chủ đầu tư (không thay đổi)

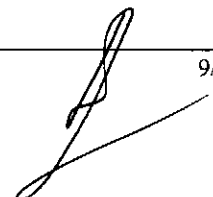
2.1. Quyền Tiếp cận công trường

2.2. Giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy chấp thuận

2.3. Nhân lực của Chủ đầu tư

2.4. Sự thu xếp tài chính của Chủ đầu tư

2.5. Khiếu nại của Chủ đầu tư



3. Quản lý của Chủ đầu tư

3.1 Đại diện của Chủ đầu tư (không thay đổi)

3.2 Quản lý của Chủ đầu tư

3.2.1 Quản lý chất lượng: Chủ đầu tư có quyền và trách nhiệm quản lý chất lượng Công trình trong tất cả các giai đoạn khảo sát, thiết kế, thi công công trình theo các nội dung qui định của pháp luật về quản lý chất lượng trong công trình xây dựng theo Nghị định 209/2004/NĐ-CP và những văn bản liên quan thay thế (nếu có), và hướng dẫn Nhà thầu thực hiện những quy định đó.

3.2.2 Các hướng dẫn

Chủ đầu tư có thể đưa ra cho Nhà thầu các hướng dẫn cần thiết cho Hợp đồng và để hình thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Các hướng dẫn sẽ được trình bày bằng văn bản nêu lên nghĩa vụ liên quan, các điều, khoản, mục (thuộc “Các điều khoản Hợp đồng”) trong đó có nêu rõ các nghĩa vụ. Nếu có bất kỳ sự hướng dẫn Thay đổi, Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*] sẽ được áp dụng.

Nhà thầu sẽ nhận hướng dẫn từ Chủ đầu tư hay từ Đại diện chủ đầu tư hay 1 trợ lý được đại diện với sự ủy quyền thích hợp theo điều khoản này.

3.2.3 Trách nhiệm quan tâm

Chủ đầu tư không có trách nhiệm chăm lo Nhà thầu và ngoài trong chừng mực giới hạn đã nêu trên sẽ không bắt buộc thông báo cho Nhà thầu hay cung cấp bất kỳ lời khuyên liên quan đến Công trình. Hơn nữa, bất kỳ sự phê duyệt, chứng nhận, thanh kiểm tra, đo đạc hay thử nghiệm được cho hay được làm bởi Đại diện Chủ đầu tư hay Chủ đầu tư, không điều gì miễn nghĩa vụ của Nhà thầu về Công trình

3.3 Quyết định

Bất cứ khi nào những điều kiện này cho thấy Chủ đầu tư sẽ đi đến đồng ý hay xác định bất cứ điều gì theo khoản 3.3 [*Quyết định*], Chủ đầu tư sẽ bàn bạc với Nhà thầu trong sự nỗ lực đi đến sự thống nhất. Nếu sự thống nhất không đạt được, Chủ đầu tư sẽ đưa ra quyết định phù hợp theo Hợp đồng, có tham khảo tất cả các điều kiện liên quan.

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu về mỗi sự thỏa thuận hay xác định, bao gồm các chi tiết phụ hỗ trợ. Các Bên sẽ nỗ lực với mỗi sự thỏa thuận và xác định, nếu không Nhà thầu sẽ thông báo đến Chủ đầu tư, sự không hài lòng về quyết định trong vòng 14 ngày nhận được thông báo. Mỗi Bên sau đó có thể đưa sự tranh chấp đến DAB theo khoản 20.4

Sự phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và Thiết kế bản vẽ thi công của Chủ đầu tư nêu trong mục 5.3.3.3.d và mục 5.3.4.4.a cũng được hiểu là “Quyết định” của Chủ đầu tư.

4. Nhà thầu

4.1. Trách nhiệm chung của Nhà thầu:

a) Đối với Công trình tạm, công trình phục vụ T/c:

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về bộ phận này và khi công trình được hoàn thành, bộ phận này phải phù hợp với mục đích mà nó được dự định như được xác định trong Hợp đồng; và

Nhà thầu phải cung cấp thiết bị, máy móc và các tài liệu của Nhà thầu được xác định Hợp đồng, và toàn bộ nhân viên, hàng hoá, vật liệu tiêu hao và những vật dụng cùng các dịch vụ khác, dù là những thứ có tính chất tạm thời hoặc lâu dài, được đòi hỏi trong và cho thiết kế đó, thi công hoàn thành và sửa chữa sai sót.

Tất cả thiết bị, vật tư, và dịch vụ cần thiết để đưa vào trong Công trình phải có nguồn gốc ở một quốc gia có đủ tư cách như đã được Ngân hàng xác định.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về sự đầy đủ, ổn định và an toàn của mọi hoạt động trên công trường và mọi biện pháp thi công và toàn bộ Công trình. Trừ phi, tới chừng mực được quy định trong Hợp đồng, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, công trình tạm và thiết kế của mỗi hạng mục thiết bị, vật liệu đòi hỏi cho hạng mục đó theo đúng Hợp đồng.

Bất kỳ lúc nào Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải nộp các chi tiết về việc bố trí và phương pháp mà Nhà thầu đề xuất để được chấp nhận cho việc thi công công trình. Không được thực hiện bất cứ một thay đổi đáng kể nào đối với những bố trí và phương pháp thi công nếu không thông báo trước cho Chủ đầu tư.

b) Đối với Công trình vĩnh cửu:

Nhà thầu phải thiết kế, thi công và hoàn thành Công trình theo đúng Hợp đồng và phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình. Sau khi hoàn thành, Công trình phải phù hợp với Công việc được xác định trong Hợp đồng.

Nhà thầu sẽ Thiết kế và Thi công phần Xây dựng các hạng mục sau đây:

- b1) Đoạn hầm dẫn nước kể từ điểm nối tiếp với gói thầu TKT-2.2.1 (theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư) - bao gồm phần kết cấu thép (nếu có).
- b2) Tháp điều áp – bao gồm phần kết cấu thép.
- b3) Hầm áp lực có áo bọc thép - bao gồm phần kết cấu thép.
- b4) Nhà máy thủy điện (ngầm) - kể cả các hầm/giếng thông gió, dẫn cấp.
- b5) Hầm xả hạ lưu (không áp).
- b6) Trạm phân phối điện 220 KV.

Nhà thầu sẽ thực hiện các công việc để Chủ đầu tư mua sắm và lắp đặt Thiết bị cơ điện cho Công trình theo các nội dung cụ thể nêu trong các khoản i, k, l, m mục 5.3.1 [Phạm vi công việc và các nội dung Thiết kế]

Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư các tài liệu của Nhà thầu về phần này theo đúng trình tự được nêu trong Điều khoản 5 [Thiết kế].

Các tài liệu đó của Nhà thầu phải phù hợp với Chỉ dẫn kỹ thuật và các bản vẽ, phải được viết bằng ngôn ngữ giao tiếp xác định tại Khoản 1.4 [Luật và Ngôn ngữ] và phải bao gồm những thông tin bổ sung do Nhà tư vấn yêu cầu để thêm vào trong các bản vẽ để phối hợp với thiết kế của mỗi Bên.

Trước khi bắt đầu thử nghiệm khi hoàn thành, Nhà thầu phải trình Nhà tư vấn các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với Chỉ dẫn kỹ thuật với đầy đủ chi tiết quy định trong điều khoản 5.6 [Hồ sơ hoàn công] và 5.7 [Chỉ dẫn vận hành và bảo dưỡng].

4.2. Bảo lãnh thực hiện

(không thay đổi)

4.3. Đại diện Nhà thầu.

...(không thay đổi)

Trừ phi Đại diện Nhà thầu được nêu tên trong Hợp đồng, trước ngày khởi công 30 ngày, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư để được chấp thuận tên và các chi tiết liên quan về người mà Nhà thầu đề nghị chỉ định làm Đại diện Nhà thầu.

...(không thay đổi)

4.4. Nhà thầu phụ

Nhà thầu không được ký giao lại hợp đồng cho thầu phụ để thực hiện các hạng mục hay công việc:

- a) Tới 50% Tổng giá trị Hợp đồng đối với tất cả các hợp đồng phụ
- b) Quá 30% Tổng giá trị Hợp đồng đối với 1 nhà thầu phụ

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những hoạt động hoặc sai sót của bất kỳ Nhà thầu phụ nào cũng như các đại lý và nhân viên của họ như là các hoạt động hoặc sai sót này là của chính bản thân Nhà thầu. Trừ phi được nêu khác đi trong Điều kiện riêng:

- (a) Nhà thầu sẽ không bị yêu cầu đạt được sự đồng ý về các nhà cung cấp vật liệu hoặc về một hợp đồng phụ mà trong đó Nhà thầu phụ đã được ghi tên trong Hợp đồng.
- (b) cần phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các Nhà thầu phụ khác được đề nghị.
- (c) Nhà thầu phải gửi thông báo cho Chủ đầu tư không ít hơn 28 ngày trước ngày dự định bắt đầu làm việc của mỗi Nhà thầu phụ về bắt đầu công việc đó tại công trường và
- (d) mỗi hợp đồng phụ phải có các quy định có thể cho phép Chủ đầu tư yêu cầu hợp đồng phụ được nhượng lại cho Chủ đầu tư theo Khoản 4.5 [Nhượng lại lợi ích của hợp đồng phụ] (nếu hoặc khi có thể có thể áp dụng được), hoặc, trong trường hợp chấm dứt theo Khoản 15.2 [Chủ đầu tư chấm dứt Hợp đồng].

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các yêu cầu mà Nhà thầu phải áp dụng theo Khoản 1.12 [những chi tiết bí mật] áp dụng như nhau đối với mỗi nhà thầu phụ.

Tại nơi có thể thực hiện được, Nhà thầu cần tạo cơ hội công bằng và hợp lý cho các nhà thầu của nước sở tại được chỉ định làm Nhà thầu phụ.

4.5. Thầu phụ được chỉ định (không thay đổi)

4.6. Hợp tác (không thay đổi)

4.7. Định vị các mốc (không thay đổi)

4.8. Các quy định về an toàn (không thay đổi).

4.9. Đảm bảo chất lượng:

Nhà thầu phải lập hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với các yêu cầu của Hợp đồng và theo đúng các quy định của pháp luật về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và theo hướng dẫn của Chủ đầu tư theo điều 3.2 [Quản lý của Chủ đầu tư]. Hệ thống này phải phù hợp với các chi tiết được nêu trong Hợp đồng. Chủ đầu tư có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào trong hệ thống này.

Chi tiết của tất cả các trình tự và tài liệu chứng minh sự phù hợp của hệ thống đó phải được trình lên Chủ đầu tư để thông tin trước khi mỗi giai đoạn thiết kế và thi công bắt đầu. Khi bất kỳ tài liệu mang tính chất kỹ thuật nào được gửi cho Chủ đầu tư, thì bằng chứng về việc chính Nhà thầu đã phê duyệt trước khi gửi, phải được thể hiện rõ ràng trong tài liệu.

Việc chấp hành đúng hệ thống bảo đảm chất lượng không hề miễn giảm cho Nhà thầu khỏi các nhiệm vụ, nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng.

4.10. Dữ liệu về công trường (không thay đổi)

4.11. Tính chất đầy đủ của Giá Hợp đồng được chấp nhận (không thay đổi)

4.12. Điều kiện vật chất không lường trước được:

- a. Hợp đồng sẽ được xem như bao gồm tất cả các thông tin cần thiết như rủi ro, điều kiện bất ngờ hay các hoàn cảnh khác ảnh hưởng và tác động đến Công việc
- b. Bằng cách ký hợp đồng, Nhà thầu chấp nhận tất cả các trách nhiệm về các khó khăn không lường trước và chi phí hoàn thành Công trình thành công và
- c. Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh khi cần phải gia cố hầm trong các trường hợp điều kiện địa chất xấu. Trong hồ sơ Thiết kế, Nhà thầu phải dự kiến phương pháp gia cố và Đơn giá cho mỗi trường hợp. Khi Thi công, nếu gặp trường hợp Điều kiện địa chất tương ứng, Nhà thầu sẽ thông báo ngay về sự việc đó cùng với đề xuất Kiểu gia cố và Chi phí dự kiến để Chủ đầu tư Quyết định. Ngoài ra, không có khó khăn hay chi phí không lường trước nào khác được tính thêm vào Giá hợp đồng.

4.13. Quyền về đường đi và phương tiện (không thay đổi)

4.14. Tránh can thiệp (không thay đổi)

4.15. Đường vào công trường:

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về sự thích hợp và có sẵn của các tuyến đường vào công trường vào ngày Cơ sở. Nhà thầu phải có các nỗ lực hợp lý để tránh làm cho mọi cầu hoặc đường khỏi bị hư hỏng do phương tiện giao thông vận tải hoặc nhân lực của Nhà thầu gây ra. Các nỗ lực này bao gồm cả việc sử dụng các loại xe và tuyến đường thích hợp.

Chủ đầu tư sẽ thực hiện việc xây dựng các tuyến đường vào Công trình:

- Tuyến đường 676 vào khu đầu mối
- Tuyến đường rẽ vào nhà máy (kể cả hầm giao thông).
- Tuyến đường vào tháp điều áp, và
- Tuyến đường vào thi công hầm dẫn

(Theo bản vẽ sơ đồ giao thông)

4.16. Vận chuyển hàng hoá (không thay đổi)

4.17. Thiết bị Nhà thầu (không thay đổi)

4.18. Bảo vệ môi trường (không thay đổi)

4.19. Điện, nước và khí đốt.

Trừ những trường hợp được nêu ra dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ điện, nước và các dịch vụ khác Nhà thầu có thể cần đến cho các hoạt động xây dựng và phạm vi được xác định trong Chỉ dẫn kỹ thuật, cho cách hoạt động thử nghiệm.

Nhà thầu có quyền sử dụng vì mục đích của công trình, dịch vụ cung cấp điện bằng đường dây 22KV kéo tới đầu công trường (đã có sẵn) qua Hợp đồng mua bán điện với Nhà cung cấp. Bằng chi phí và rủi ro tự chịu, Nhà thầu phải cung cấp các thiết bị cần thiết để Nhà thầu sử dụng các dịch vụ này và để đo khối lượng tiêu thụ.

Nhà thầu phải tự tìm giải pháp cung cấp nước sinh hoạt và nước công nghiệp tại công trường.

Nhà thầu tự giải quyết nguồn khí đốt (nếu cần) thông qua các tổ chức dịch vụ.

4.20. Thiết bị và vật liệu cấp tự do của Chủ đầu tư

Không có thiết bị thi công nào được cung cấp miễn phí bởi Chủ đầu tư cho Nhà thầu sử dụng

4.21. Báo cáo tiến độ

4.21.1 Báo cáo tiến độ tháng:

Nhà thầu trước 10 ngày mỗi tháng sẽ hoàn thành báo cáo tháng gồm 12 bản copy cho Chủ đầu tư. Các báo cáo này theo mẫu như được hướng dẫn bởi Chủ đầu tư và sẽ gồm các thông tin sau:

- (a) sơ đồ và miêu tả chi tiết tiến trình, bao gồm mỗi giai đoạn thiết kế, tài liệu Nhà thầu, việc mua sắm, gia công chế tạo, cung cấp đến công trường, thi

công, lắp đặt, thử nghiệm và bao gồm các giai đoạn của công việc được thực hiện bởi từng Nhà thầu phụ được chỉ định (như được xác định trong Điều 4.5 [Nhà thầu phụ được chỉ định]).

- (b) Các bức chụp tình hình tiến độ trên công trường. Một bản in màu cỡ A3, trình bày tiến độ công việc có so sánh với tiến độ gốc, kèm file mềm.
- (c) Kế hoạch đối với việc gia công chế tạo mỗi hạng mục chính của thiết bị và vật tư cũng như đối với nhà thầu cung cấp thiết bị, tên nhà sản xuất, nơi chế tạo, phần trăm tiến độ và ngày thực tế hoặc dự kiến của các việc như:
 - (i) bắt đầu gia công chế tạo,
 - (ii) kiểm tra của Nhà thầu,
 - (iii) thử nghiệm; và
 - (iv) xếp hàng xuống tàu và đến công trường;
- (d) Báo cáo nhân sự của Nhà thầu: danh sách các giám sát, nhân viên, các loại lao động, với số lượng được thuê trong tháng trước và các yêu cầu nhân sự cho chương trình công việc dự tính tháng sau nêu trong Khoản 6.10 [Hồ sơ Nhân lực và thiết bị Nhà thầu]
- (e) Tồn kho, máy móc, thiết bị, vật tư danh sách các mục chính, số lượng được dùng cho công việc trong tháng trước và các yêu cầu cho chương trình công việc được dự tính cho tháng sau với các bản sao của tài liệu đảm bảo chất lượng, kết quả thí nghiệm và chứng chỉ của các loại vật liệu.
- (f) Bản liệt kê các Biến đổi và thông báo được đưa ra theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ đầu tư] và các thông báo được đưa ra theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu].
- (g) Số liệu thống kê về an toàn, bao gồm những chi tiết về các sự cố nguy hiểm, các hoạt động có liên quan về mặt môi trường và quan hệ công cộng; và
- (h) So sánh tiến độ thực tế với tiến độ theo kế hoạch, cùng với các chi tiết về mọi sự việc hoặc tình huống có thể cản trở tới việc hoàn thành theo Hợp đồng, và các biện pháp đang (hoặc sẽ) được áp dụng để khắc phục chậm trễ.
- (i) Dự tính xác nhận thanh toán hàng tháng cho các phần Công việc vĩnh cửu, giai đoạn 6 tháng tiếp theo quý, theo tháng đưa ra số tiền được thanh toán bằng ngoại tệ và bằng Đồng Việt nam.

4.21.2 Báo cáo tiến độ tuần:

Hàng tuần vào một ngày qui định, Chủ đầu tư sẽ chủ trì với nhà thầu/ các nhà thầu trên Công trường để:

- Kiểm điểm tình hình thực hiện khối lượng, chất lượng công trình.
- Điều phối các hoạt động trên Công trường để thúc đẩy tiến độ.

Báo cáo tuần sẽ lập thành 3 bản copy để gửi cho Chủ đầu tư.

4.21.3 và các báo cáo khác như:

- Các hình ảnh về tiến độ xây dựng
- Hướng dẫn hoạt động và vận hành cho các thiết bị thiết yếu.

- Danh sách, mô tả kỹ thuật của vật tư, thiết bị được tiến hành/ nhập khẩu và cung cấp.

4.21.3 Nhật ký công trình:

Hàng ngày nhà thầu phải ghi nhật ký công trình gồm 3 bản tóm tắt những công việc thực hiện trong ngày, những vướng mắc trên công trường, tình hình thời tiết tại Công trường máy móc thiết bị chính, bộ phận máy, cung cấp, các vật liệu, lao động... được thuê và sử dụng liên quan cho tất cả công trình tạm và vĩnh cửu.

Nhật ký sẽ mô tả kỹ rõ tất cả các sự việc, công việc bổ sung, tai nạn, sự cố, bắt đầu, hoàn thành xây dựng và tương tự vậy, mà có thể ảnh hưởng công việc theo cách nào đó.

Các nhật ký này sẽ được lưu bởi Nhà thầu, nhưng Chủ đầu tư có quyền xem xét khi cần thiết và muốn xem bất cứ lúc nào.

Cuối mỗi ngày, tuy nhiên có thể chậm nhất trưa ngày hôm sau, nhật ký hằng ngày sẽ được ký bởi Nhà thầu và đệ trình cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ ký xác nhận và nhận 1 bản, Nhà thầu sẽ giữ 2 bản.

Việc ký nhận của Nhà thầu và Chủ đầu tư không có nghĩa ám chỉ thỏa thuận về nội dung, giải nghĩa, giảm đi các quyền tham dự khác, mà chỉ xác nhận về việc đã thông báo về việc được nêu đó.

4.22. An ninh công trường (không thay đổi)

4.23. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

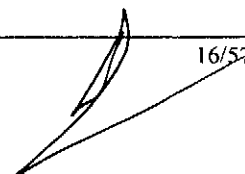
Nhà thầu chỉ giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung nào Nhà thầu có thêm được và được sự đồng ý của Chủ đầu tư để làm khu vực làm việc. Nhà thầu cần có sự cẩn trọng cần thiết để giữ cho thiết bị Nhà thầu và nhân lực Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung, và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận.

Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường khỏi bị các cản trở không cần thiết và phải lưu kho, sắp xếp mọi thiết bị hoặc vật liệu thừa của Nhà thầu. Nhà thầu phải thu dọn và đưa đi khỏi công trường các phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm không còn cần đến nữa.

Nhà thầu phải dành riêng cho mặt bằng thi công và cung cấp dịch vụ (nếu cần) điện nước, thông gió... để lưu kho và công việc lắp đặt thiết bị cơ điện (và được trả phí dịch vụ theo thỏa thuận). Phối hợp chặt chẽ với các nhà thầu khác theo điều khoản 4.6 [Hợp tác]. Nhà thầu phải chịu sự điều phối chung của Chủ đầu tư trên Công trình.

Sau khi phát hành Chứng chỉ nghiệm thu, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa ra khỏi những bộ phận nào của công trường và công trình mà Chứng chỉ nghiệm thu đã đề cập, tất cả thiết bị Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể giữ lại trên công trường trong Thời hạn thông báo sao sót các hàng hoá cần thiết để hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

4.24. Cổ vật (không thay đổi)



5. Thiết kế

5.1. Nghĩa vụ Thiết kế tổng thể

Nhà thầu được coi là xem xét kỹ lưỡng, trước ngày Cơ sở, Các Nghĩa vụ theo yêu cầu của Chủ đầu tư (bao gồm tiêu chuẩn thiết kế, tính toán, nếu có). Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về thiết kế Công trình và về độ chính xác Các yêu cầu của Chủ đầu tư (bao gồm tiêu chuẩn thiết kế, tính toán).

Chủ đầu tư sẽ không chịu bất kỳ sự sai sót, không chính xác, sự thiếu sót hay bất cứ điều tương tự trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư như nguyên bản bao gồm trong Hợp đồng và sẽ không đưa ra sự trình bày về tính chính xác hay đầy đủ của bất kỳ dữ liệu hay thông tin ngoại trừ được nêu dưới đây. Bất kỳ dữ liệu hay thông tin được nhận bởi Nhà thầu từ Chủ đầu tư hay ai khác, cũng sẽ không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu thiết kế và thực hiện Công trình.

Nhà thầu phải thực hiện và chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm thiết kế của mình. Thiết kế phải do các kỹ sư và các nhà chuyên môn có đủ điều kiện năng lực, trình độ thực hiện theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu Công trình.

Nhà thầu sẽ thực hiện 1 cách chuyên nghiệp các công việc thiết kế được đề cập trong Hợp đồng này bằng tất cả các kỹ năng phù hợp, sự thận trọng, sự chuyên cần và thích ứng với các yêu cầu của Chủ đầu tư để hoàn thành công trình. Nhà thầu sẽ luôn luôn thông báo đầy đủ và kịp thời các thông tin liên quan đến thiết kế của Công trình cho Chủ đầu tư.

Nhà thầu sẽ sắp xếp, bố trí nhân sự của mình có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

Ngay sau khi nhận được thông báo theo khoản 8.1 [Bắt đầu công việc], Nhà thầu sẽ xem xét kỹ lưỡng các yêu cầu của Chủ đầu tư (bao gồm phần tiêu chuẩn thiết kế và tính toán, nếu có) và các hạng mục công việc được nêu ra liên quan trong khoản 4.7 [Định vị các mốc]. Trong thời gian quy định trong Dữ liệu Hợp đồng, Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ lỗi, sai sót, sai phạm khác được tìm thấy trong Yêu cầu của Chủ đầu tư hay các hạng mục liên quan. Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ xác định có áp dụng điều 13 [Thay đổi và điều chỉnh] không và sẽ thông báo Nhà thầu. Nếu và trong phạm vi (xem xét giá cả và thời gian) một nhà thầu kinh nghiệm thực hiện sự quan tâm đúng đắn này và đã khám phá ra lỗi, sai hay thiết sót khi kiểm tra hiện trường và yêu cầu của Chủ đầu tư trước khi đệ trình Hồ sơ dự thầu, thì Thời gian hoàn thành sẽ không được mở rộng và Giá hợp đồng sẽ không được điều chỉnh.

Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các tài liệu được quy định tại điều 5.4 [Hồ sơ của Nhà thầu]. Có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của thiết kế trong các buổi họp trình duyệt của các Cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

Khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ cử đại diện có đầy đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm nào do Chủ đầu tư ấn định (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày hoàn thành Công trình và bàn giao.

Nhà thầu sẽ phải tuân theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Chủ đầu tư, ngoại trừ các hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với pháp luật hoặc không thể thực hiện được.

Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các hồ sơ, tài liệu phục vụ các cuộc họp, báo cáo thông qua phương án, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho Chủ đầu tư phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Chủ đầu tư nghiệm thu.

Sản phẩm giao nộp cuối cùng cho Chủ đầu tư là 09 bộ hồ sơ và 01 đĩa CD. Địa điểm giao hồ sơ là Phòng Kế hoạch Đầu tư, 21 Nguyễn Huệ, Tp. Quy Nhơn. Tuy nhiên, hồ sơ giao xong cho Chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu về thiết kế của mình.

Nhà thầu sẽ phải xác định lại vị trí, cao độ và kích thước của Công trình liên quan đến mặt bằng và hiện trạng Công trình.

Nhà thầu phải tự sắp xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với Chủ đầu tư.

Thu thập các thông tin cần thiết.

Nhà thầu sẽ phải cẩn thận xem xét lại các điều kiện tự nhiên của công trình và các tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp.

Trong phạm vi kiến thức và kinh nghiệm của mình, Nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến đến toàn bộ các vấn đề ảnh hưởng đến tiến độ, giá trị hợp đồng, trách nhiệm của nhà thầu theo hợp đồng hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu trong việc thực hiện các dịch vụ được quy định trong hợp đồng.

Bất kỳ sự bất cẩn, chậm trễ hoặc lỗi trong việc thu thập thông tin hợp ý được nói trên của Nhà thầu hay bất kỳ vấn đề nào khác sẽ không làm ảnh hưởng trách nhiệm của Nhà thầu để hoàn thành công việc theo các điều khoản được quy định ở trong hợp đồng này.

Nhà thầu sẽ phúc đáp bằng văn bản các yêu cầu hoặc đề nghị của Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày (kể cả ngày nghỉ) kể từ khi nhận được yêu cầu hoặc đề nghị đó.

Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm trả lệ phí thẩm định cho cơ quan chức năng chuyên ngành tổ chức thẩm định đối với các trường hợp hồ sơ dự án, thiết kế - dự toán thiếu sót phải bổ sung và thẩm định lại theo các quy chuẩn và quy phạm quy định.

5.2. Tài liệu của Nhà thầu

Nhà thầu sẽ biên tập các Hồ sơ kỹ thuật theo mô tả trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư, các hồ sơ được yêu cầu thỏa mãn tất cả các quy định quy phạm, hồ sơ được mô tả trong khoản 5.6 [*Hồ sơ hoàn công*] và khoản 5.7 [*Hướng dẫn hoạt động và bảo dưỡng*]. Trừ khi có quy định khác nêu trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư, Hồ sơ nhà thầu sẽ được viết theo ngôn ngữ nêu trong khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

Nhà thầu sẽ phải chuẩn bị Hồ sơ của Nhà thầu, và cũng phải chuẩn bị bất kỳ các hồ sơ khác cần thiết để hướng dẫn Nhân lực của Nhà thầu.

Nếu các yêu cầu của Chủ đầu tư mô tả Hồ sơ của Nhà thầu được trình cho Chủ đầu tư để xem qua, chúng sẽ được đệ trình theo đó cùng với ghi chú mô tả bên dưới. Theo khoản này, (i) “ thời gian xem qua” là khoản thời gian được yêu cầu theo Chủ đầu tư xem qua, và (ii) “ Hồ sơ của Nhà thầu” không bao gồm bất kỳ tài liệu mà không được mô tả được yêu cầu đệ trình để xem qua.

Tất cả các hồ sơ đệ trình chính thức sẽ có dấu phê duyệt hay chứng nhận, được ký bởi đại diện ủy quyền của Nhà thầu, mà thông tin được trình bày trên đó đã được kiểm tra bởi Nhà thầu. Dấu của nhà thầu trên bất kỳ sự đệ trình sẽ cấu thành 1 sự tương trưng đối với Chủ đầu tư, mà Nhà thầu hoặc đã xác định hay kiểm định tất cả khối lượng, kích thước, tiêu chuẩn xây dựng hiện trường, vật liệu, số lượng catalogue và số liệu tương tự, và rằng Nhà thầu đã xem qua hay kết hợp mỗi sự đệ trình với yêu cầu của Nhà thầu.

Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm cho bất kỳ và tất cả sự khác biệt, lỗi hay thiết sót trong các bản vẽ hay tài liệu được chuẩn bị bởi Nhà thầu, ngay cả nếu những bản vẽ, tài liệu đã được phê duyệt của Chủ đầu tư.

Nhà thầu sẽ đệ trình cho Chủ đầu tư để xem lại tất cả các thiết kế và bản vẽ mà Nhà thầu phải chuẩn bị theo Hợp đồng với 5 bộ copy.

Theo Mục 5.3.3.3. và Mục 5.3.4.4. dưới đây, trong vòng 28 ngày (đối với Hồ sơ Thiết kế Kỹ thuật) hoặc 14 ngày (đối với hồ sơ Thiết kế Bản vẽ Thi công) nhận được bản vẽ của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ xem lại và thông báo cho Nhà thầu về việc xem lại bằng cách trả về 1 bản copy của bản vẽ cùng với các nhận xét bổ sung. Các Bản vẽ sẽ được ghi chú rõ 1 trong các ký hiệu sau:

1. GỬI LẠI ĐỂ CHỈNH SỬA.
2. PHÊ DUYỆT NGOẠI TRỪ NHƯ ĐƯỢC GHI CHÚ.
3. PHÊ DUYỆT ĐỂ LẬP BẢN VẼ THI CÔNG /THI CÔNG.

Nhà thầu sẽ trả lời các chỉ dẫn được ghi chú trên các Bản vẽ và nếu cần thiết sẽ đệ trình lại các Bản vẽ chỉnh sửa trong vòng 1 tuần thông báo của Chủ đầu tư.

Các bản vẽ không được dùng cho xây dựng trừ khi được ghi chú các ký hiệu 2) và 3) như được ghi phía trên. Bất kỳ công việc được thực hiện không có sự phê duyệt các thiết kế và Bản vẽ sẽ là rủi ro của Nhà thầu.

Trong vòng 1 tuần gửi trả thiết kế và bản vẽ được ghi chú “ PHÊ DUYỆT ĐỂ THI CÔNG” HAY “PHÊ DUYỆT NGOẠI TRỪ NHƯ ĐƯỢC GHI CHÚ”, Nhà thầu sẽ trình Chủ đầu tư các Bản vẽ gốc có dấu mực in, một (1) mực sepia, hai (2) bản in tương tự.

Sau đó, bản vẽ gốc đúng kích cỡ được ký sẽ không phải gửi trả lại cho Nhà thầu. Không bản vẽ nào được xem là giá trị trừ khi được ký bởi Chủ đầu tư.

Với ký hiệu “GỬI LẠI ĐỂ CHỈNH SỬA” sẽ được làm lại hay đệ trình bản mới cho Chủ đầu tư.

Nhà thầu sẽ không được quyền mở rộng thời gian dựa vào việc từ chối thiết kế và chi tiết bản vẽ vì các thiết kế và bản vẽ không phù hợp nguyên tắc thiết kế cơ bản vững chắc hay Yêu cầu kỹ thuật.

(1) Quyền sao chép và tái bản.

Chủ đầu tư có quyền, không cần sự cho phép cụ thể từ Nhà thầu, dùng, sao chép, tái bản cho bất kỳ bên thứ 3 bản vẽ, hướng dẫn, tính toán hay bất kỳ thông tin khác hay hồ sơ trong phạm vi cần thiết cho công việc bên thứ 3 thực hiện bất kỳ công việc liên quan đến Dự án hay phần thuộc dự án

(2) Sự nhận dạng và kích cỡ

Các tài liệu ngoài bản vẽ của Nhà thầu sẽ bao gồm tờ bìa được tiêu chuẩn hóa với các thông tin sau:

- CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HINH
- DỰ ÁN THƯỢNG KONTUM
- HỢP ĐỒNG SỐ:
- GÓI THẦU:
- Tên Nhà thầu:
- Tiêu đề tài liệu xác định nội dung
- Ngày phát hành
- Ngày chỉnh sửa và số lần
- Khoản trống cho số tài liệu của Chủ đầu tư.

Nhà thầu sẽ đệ trình 1 tờ bìa mẫu cho Chủ đầu tư phê duyệt.

Kích cỡ tài liệu, như tính toán, bảng dữ liệu... sẽ cỡ 210x297mm (DIN A4). Các cỡ Bản vẽ sẽ là DIN A1, A2, A3 và A4.

Các Bản vẽ sẽ phù hợp yêu cầu kích cỡ bên chi tiết bên dưới và sẽ được viền và ghi tựa theo cách tương tự Các Bản vẽ được duyệt. Tất cả Bản vẽ được chuẩn bị theo tiêu chuẩn ISO.

Nhà thầu trước khi bắt đầu thiết kế, sẽ đệ trình mẫu thiết kế để phê duyệt.

Tất cả Bản vẽ, tài liệu... lớn hơn cỡ DIN A4 (210mmx297mm) sẽ được gấp theo cỡ này.

Các Bản vẽ, tài liệu... không dùng ngôn ngữ Tiếng Anh hoặc không có bản dịch tiếng Anh đính kèm, sẽ được xem là chưa đệ trình.

Mỗi phần Công trình, trừ phạm vi các Bên có sự thỏa thuận khác:

- a. thực hiện các phần việc như vậy của Công trình sẽ không bắt đầu trước thời hạn của thời gian xem lại của toàn bộ Hồ sơ của Nhà thầu liên quan đến thiết kế và thực hiện
- b. thực hiện các phần việc như vậy của Công trình theo Hồ sơ của Nhà thầu, đã được đệ trình để xem lại; và

nếu Nhà thầu mong muốn sửa đổi bất kỳ thiết kế hay hồ sơ đã đệ trình trước đó để xem qua, Nhà thầu sẽ ngay lập tức thông báo cho Chủ đầu tư. Sau đó, Nhà thầu sẽ đệ trình hồ sơ được chỉnh sửa cho Chủ đầu tư phù hợp quy trình nêu trên.

5.3. Công việc của Nhà thầu:

Nhà thầu sẽ thực hiện các công việc như thiết kế, biên tập Hồ sơ của Nhà thầu, thực hiện và hoàn thành công trình, phù hợp với:

- a. Luật của nước sở tại
- b. Các tài liệu hình thành nên Hợp đồng, sau khi được thay đổi, chỉnh sửa theo điều khoản Thay đổi.

5.3.1. Phạm vi công việc và các nội dung Thiết kế

Phạm vi lập Thiết kế của gói thầu này là thiết kế tuyến Năng lượng (đoạn 2), dự án thủy điện Thượng Kontum từ điểm G hệ tọa độ HN72(X=1632120,42; Y=528091,44; Z=1115,0) đến Xuất tuyến 220 KV. Cần lưu ý làm rõ những nội dung sau:

- a) Tính toán chuẩn xác mức nước lũ hạ lưu (sông Đak Lò) làm cơ sở chọn cao trình đặt máy.
- b) Bố trí công trình: Trên cơ sở Bản vẽ của Chủ đầu tư và các tài liệu khảo sát bổ sung, hiệu chỉnh để tối ưu hóa: tuyến hầm dẫn trước Tháp điều áp; vị trí Tháp điều áp; Nhà máy (ngầm) trên cơ sở tài liệu địa hình, địa chất, kết quả tính toán mực nước lũ hạ lưu phù hợp với các điều kiện phục vụ thi công (đường, điện, nước, khí,... phục vụ thi công) và đảm bảo tiến độ xây dựng.
- c) Tuyến hầm dẫn: Lựa chọn kích thước hầm dẫn phù hợp với công nghệ đào hầm (nổ mìn hay TBM) đảm bảo tổn thất thủy lực (từ Cửa nhận nước tới turbin) tương ứng với Công suất định mức (220 MW), và ở mực nước thấp nhất của hồ chứa (1138 m) không được lớn hơn 40m.
- d) Tháp điều áp.
- e) Hầm áp lực có áo bọc thép: lựa chọn đường kính ống tương ứng với kích thước hầm dẫn
- f) Nhà máy thủy điện (ngầm có vỏ bọc hầm bằng bê tông cốt thép) - kể cả các hầm/giếng thông gió, dẫn cấp.
- g) Hầm xả hạ lưu (không áp).
- h) Trạm phân phối điện 220 KV theo công nghệ GIS.
- i) Thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị công nghệ: Lựa chọn thông số kỹ thuật và bố trí dây chuyền công nghệ cho hệ thống thiết bị chính và phụ trợ đồng bộ từ Tháp điều áp tới Xuất tuyến 220 KV.
- k) Lập bảng liệt kê thiết bị và các tiêu chuẩn kỹ thuật của thiết bị sao cho đủ điều kiện để lập hồ sơ mời thầu cung cấp và lắp đặt thiết bị.
- l) Phân tích hồ sơ dự thầu (không quá 3 hồ sơ) cung cấp thiết bị – phân kỹ thuật.

- m) Phê duyệt Bản vẽ thiết kế chế tạo và Bản vẽ lắp đặt của Nhà thầu cung cấp thiết bị.
- n) Bổ sung và/hoặc hiệu chỉnh “Chỉ dẫn kỹ thuật” (Tập 3 – Yêu cầu về kỹ thuật) bởi Chủ đầu tư cho phù hợp với Thiết kế bởi Nhà thầu, trình Chủ đầu tư phê duyệt cùng Thiết kế kỹ thuật.

5.3.2. Nghiên cứu hồ sơ và hoàn thiện công việc khảo sát:

5.3.2.1. Nghiên cứu thuyết minh dự án, thiết kế cơ sở đã được duyệt, các tài liệu khảo sát bổ sung cho Thiết kế kỹ thuật, khảo sát hiện trường:

Chủ đầu tư sẽ cung cấp đầy đủ các hồ sơ:

- Thiết kế cơ sở, bao gồm: i) tập Thuyết minh, ii) các Phụ lục tính toán về Thủy văn, Thủy năng, Thủy lực và iii) các Bản vẽ.
- Tài liệu khảo sát bổ sung cho Thiết kế kỹ thuật.
- Những yêu cầu, gợi ý của Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư cho rằng những tài liệu này là đủ cơ sở để Nhà thầu lập Thiết kế kỹ thuật. Nếu Nhà thầu cần làm rõ hơn thì có thể tiến hành khảo sát bổ sung và tính trong giá Hợp đồng. Nhà thầu phải đưa Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung vào hồ sơ Thiết kế.

5.3.2.2. Đề xuất của Nhà thầu:

Nhà thầu có thể đề xuất các ý kiến mà Nhà thầu cho là cần thiết và phù hợp với Dự án mà chưa được Chủ đầu tư đưa vào Hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư.

5.3.2.3. Hệ thống tiêu chuẩn xây dựng

Nhà thầu phải đệ trình hệ thống Tiêu chuẩn xây dựng dùng cho dự án. Những tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam thuộc các lĩnh vực sau đây bắt buộc áp dụng:

- a) Điều kiện khí hậu xây dựng;
- b) Điều kiện địa chất thủy văn, khí tượng thủy văn;
- c) Phân vùng động đất;
- d) Phòng chống cháy, nổ;
- đ) Bảo vệ môi trường;
- e) An toàn lao động.

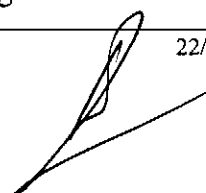
Trong trường hợp nội dung thuộc các điểm d, đ, e của khoản này mà tiêu chuẩn Việt Nam chưa có hoặc chưa đầy đủ thì được phép áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài cho Dự án phải phù hợp với quy định của Bộ Xây dựng.

5.3.3. Thiết kế kỹ thuật:

5.3.3.1. Yêu cầu chung

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật phải phù hợp với thiết kế cơ sở và Dự án đầu tư xây dựng được duyệt đồng thời phù hợp với phạm vi gói thầu, bao gồm:



a) Thuyết minh gồm các nội dung theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, nhưng phải tính toán lại và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật sản xuất, dây chuyền công nghệ, lựa chọn thiết bị, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, kiểm tra các số liệu làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật; giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được. Thuyết minh Thiết kế kỹ thuật bao gồm (nhưng không giới hạn) những phần sau đây :

- Thuyết minh chung.
- Các điều kiện tự nhiên.
- Tính toán Thủy năng.
- Tính toán ổn định và kết cấu các bộ phận công trình.
- Tính toán lựa chọn các thông số thiết bị chính và phụ (đồng bộ) cho Nhà máy thủy điện (từ Tháp điều áp tới xuất tuyến 220 KV), bao gồm (nhưng không giới hạn) các thiết bị sau đây : van, turbine và điều tốc, máy phát và kích từ, máy biến áp chính và phụ, dầu, khí nén, nước, điện (cao áp, trung áp, hạ áp, điều khiển, bảo vệ, đo lường, giám sát), điều hòa nhiệt độ, thông gió, thông tin, chiếu sáng, ... Riêng hệ thống đo lường, giám sát, thông tin thì bao gồm từ cửa nhận nước đến hạ lưu Nhà máy.

b) Bản vẽ phải thể hiện chi tiết về các kích thước, thông số kỹ thuật chủ yếu, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện để lập dự toán, tổng dự toán và lập thiết kế bản vẽ thi công công trình xây dựng;

c) Bản vẽ bố trí Mặt bằng thi công.

d) Tổng tiến độ thi công.

e) Bảng tính giá cho từng hạng mục hay từng phần của hạng mục công trình giúp cho việc xét thầu và Thanh toán theo điều 14.4.

5.3.3.2. Trách nhiệm của nhà thầu

a) Lập Thiết kế kỹ thuật công trình trên cơ sở:

- Thiết kế cơ sở được phê duyệt.
- Các đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp nhận.
- Các số liệu khảo sát bổ sung.
- Các yêu cầu của Chủ đầu tư như nêu trong mục 5.3.1 trên đây.
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng.

Trường hợp các nội dung trên có sự khác biệt thì áp dụng Quyết định sau cùng.

b) Nộp 08 bộ hồ sơ Thiết kế kỹ thuật (bao gồm Thuyết minh tính toán và các bản vẽ) kèm theo files mềm để Chủ đầu tư phê duyệt.

c) Giải trình làm rõ các vấn đề mà Chủ đầu tư yêu cầu.

d) Sửa chữa, hiệu chỉnh hồ sơ theo kết quả thẩm định (qua Biên bản thẩm định) không chậm hơn 21 ngày sau đó – trừ khi có thỏa thuận khác.

e) Tham gia các cuộc họp giữa Chủ đầu tư với Nhà cung cấp thiết bị trong giai đoạn xét thầu (theo mục 5.3.1, l), vừa với tư cách là Nhà tư vấn cho Chủ đầu tư, vừa là Người phối hợp thực hiện dự án.

5.3.3.3. Trách nhiệm quản lý của Chủ đầu tư

- a) Cập nhật các vấn đề phát sinh trong thời gian lập Thiết kế để cung cấp bổ sung kịp thời các dữ liệu cho Nhà thầu.
- b) Tổ chức thẩm định Thiết kế trong thời hạn 28 ngày sau khi Nhà thầu nộp hồ sơ.
- d) Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật sau khi Nhà thầu sửa chữa, hiệu chỉnh hồ sơ theo Biên bản thẩm định.

5.3.4. Thiết kế bản vẽ thi công:

5.3.4.1. Yêu cầu chung

Ngay sau khi Thiết kế kỹ thuật được phê duyệt theo mục 5.3.3.3.d [Trách nhiệm Quản lý của Chủ đầu tư], Nhà thầu có thể tiến hành lập Thiết kế bản vẽ thi công (và trình Chủ đầu tư phê duyệt) cho từng hạng mục công trình.

a) Thiết kế Bản vẽ thi công phải đảm bảo:

- Phù hợp với Thiết kế kỹ thuật được phê duyệt;
- Các Tiêu chuẩn xây dựng và Chỉ dẫn kỹ thuật được áp dụng;
- Các dữ liệu và yêu cầu của Nhà cung cấp thiết bị về công trình xây dựng.
- Các yêu cầu khác của Chủ đầu tư nhằm đảm bảo tính đồng bộ của Dự án.

b) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bao gồm:

- Thuyết minh phải giải thích đầy đủ các nội dung mà bản vẽ không thể hiện được để người trực tiếp thi công xây dựng thực hiện theo đúng thiết kế;
- Bản vẽ phải thể hiện chi tiết tất cả các bộ phận của công trình, các cấu tạo với đầy đủ các kích thước, vật liệu và thông số kỹ thuật để thi công chính xác và đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình;
- Mặt bằng thi công từng hạng mục công trình (bao gồm mặt bằng phục vụ cho lắp đặt thiết bị).
- Tiến độ thi công chi tiết từng hạng mục công trình, đặc biệt chú ý phối hợp chặt chẽ với tiến độ lắp đặt và thử nghiệm thiết bị.

c) Bảng tính giá cho từng bộ phận công trình phù hợp với giai đoạn thanh toán (thay Dự toán thi công xây dựng công trình).

5.3.4.2. Phạm vi thực hiện:

a) Phần xây dựng :

- Các hạng mục chính từ khoản c đến h mục 5.3.1.
- Các công trình phục vụ thi công các hạng mục trên (trong phạm vi công trường).
- Tính toán kết cấu và lập bản vẽ chi tiết các bộ phận công trình liên quan đến tác động của thiết bị công nghệ.

b) Phần thiết bị:

- Phê duyệt Bản vẽ chế tạo và Bản vẽ lắp đặt của Nhà thầu cung cấp thiết bị.
- Bố trí chi tiết các hệ thống thiết bị chính và phụ trợ.
- Bố trí các cấu kiện/ chi tiết đặt sẵn trong bê tông theo hướng dẫn của Nhà cung cấp thiết bị.

5.3.4.3. Trách nhiệm của nhà thầu:

- a) Nhận dữ liệu (qua Chủ đầu tư hoặc được Chủ đầu tư ủy quyền) từ Nhà thầu cung cấp thiết bị để thực hiện việc thiết kế chi tiết các bộ phận công trình có liên quan đến thiết bị và theo khoản b mục 3.1.3.2.
- b) Kiểm tra hồ sơ, gửi Chủ đầu tư 08 bản và files mềm để Chủ đầu tư phê duyệt và giám sát thi công. Chủ đầu tư sẽ chuyển lại cho Nhà thầu 04 bản có đóng dấu phê duyệt để Nhà thầu thực hiện.
- c) Thực hiện thi công các bản vẽ đã được Chủ đầu tư phê duyệt. Sửa chữa các bản vẽ không được Chủ đầu tư phê duyệt để sửa và phê duyệt lại.

5.3.4.4. Trách nhiệm quản lý của Chủ đầu tư

- a) Trong vòng 14 ngày sau khi nhận hồ sơ của Nhà thầu (cho từng hạng mục công trình), phải phê duyệt bản vẽ của Nhà thầu. Trường hợp không phê duyệt hay yêu cầu sửa lại phải nêu rõ lý do.
- b) Giám sát thi công theo Thiết kế được duyệt.

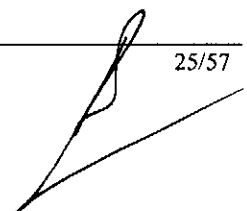
5.3.5. Giám sát tác giả:

Nhà thầu phải thực hiện việc giám sát tác giả và làm rõ thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình được quy định nhưng không giới hạn như sau:

- a) Nhà thầu phải cử người có đủ năng lực để thực hiện giám sát tác giả theo quy định trong quá trình thi công xây dựng
- b) Nhà thầu có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình cho Chủ đầu tư, các Nhà thầu khác để quản lý và thi công theo đúng thiết kế;
- c) Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, người giám sát tác giả phải ghi nhật ký giám sát và đề nghị CĐT yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế.
- d) Qua giám sát tác giả, nếu phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu thì Nhà thầu phải có văn bản gửi CĐT nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.
- e) Sửa đổi thiết kế phù hợp với thực tế và yêu cầu của Chủ đầu tư khi cần thiết.
- f) Tham gia các cuộc họp có liên quan tới thiết kế tại công trường hoặc giao ban khi được CĐT triệu tập trong quá trình xây dựng công trình.
- g) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn xây lắp, nghiệm thu chế tạo và/hoặc chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình do CĐT tổ chức.
- h) Đánh giá sự phù hợp của công trình đã được thực hiện (xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị) so với Thiết kế.

5.4. Tiêu chuẩn và Quy định về Kỹ thuật (không thay đổi)

5.5. Huấn luyện (không thay đổi)



5.6. Hồ sơ hoàn công

Nhà thầu sẽ phải chuẩn bị, và giữ 1 bộ đầy đủ, cập nhật 1 báo cáo “hoàn công” về việc thực hiện Công trình, chỉ rõ chính xác các vị trí, kích cỡ, chi tiết của công trình sau khi được thực hiện. Các báo cáo này sẽ được lưu tại Công trường và được dùng chỉ cho mục đích của này. Chủ đầu tư sẽ được cung cấp 1 bộ copy trước khi bắt đầu Thử nghiệm khi hoàn thành.

Hơn nữa, Nhà thầu sẽ cung cấp cho Chủ đầu tư Bản vẽ hoàn công của Công trình, chỉ rõ tất cả các Công trình sau khi thực hiện và nộp cho Chủ đầu tư để xem qua theo mục 5.2 (Hồ sơ của Nhà thầu). Nhà thầu sẽ nhận được sự đồng ý của Chủ đầu tư về kích cỡ của chúng, hệ thống liên quan và các chi tiết liên quan khác.

Trước khi phát hành bất kỳ Chứng nhận Nghiệm thu, Nhà thầu sẽ cung cấp cho Chủ đầu tư các con số chi tiết, và các loại copy của các bản vẽ hoàn công liên quan, theo như Các yêu cầu của Chủ đầu tư. Công trình sẽ không được xem là hoàn thành theo mục đích nghiệm thu theo khoản 10.1(Nghiệm thu Công trình và Hạng mục) cho đến khi Chủ đầu tư nhận được các tài liệu này.

Hồ sơ hoàn công và các bản vẽ hoàn công cũng như các tài liệu liên quan phải được viết bằng ngôn ngữ xác định tại Khoản 1.4 [Luật và Ngôn ngữ]

5.7. Hướng dẫn hoạt động và bảo dưỡng

Trước khi bắt đầu Nghiệm thu khi hoàn thành, Nhà thầu sẽ cung cấp Chủ đầu tư các hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng tạm thời đầy đủ các chi tiết cho Chủ đầu tư để vận hành, duy trì, tháo dỡ, lắp ráp lại, kết nối và sửa chữa Máy móc thiết bị.

Công trình sẽ không được xem là hoàn thành cho mục đích nghiệm thu theo điều khoản 10.1 [Nghiệm thu Công trình và Hạng mục] cho đến khi Chủ đầu tư nhận được bảng hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cuối cùng chi tiết như vậy, và bất kỳ bảng hướng dẫn khác quy định trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư cho các mục đích này.

Tài liệu hướng dẫn hoạt động và bảo dưỡng sẽ bằng ngôn ngữ Tiếng Việt hoặc Anh , và theo Mẫu và Số ký hiệu được chấp thuận bởi Chủ đầu tư.

5.8. Lỗi thiết kế (không thay đổi)

6. Nhân viên và người lao động

6.1 Tuyển mộ nhân viên và lao động (không thay đổi)

6.2 Mức lương và điều kiện lao động (không thay đổi)

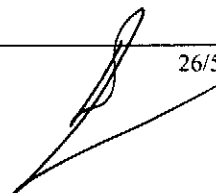
6.3 Những người trong bộ máy của Chủ đầu tư

Nhà thầu không tuyển mộ, hoặc toan tính tuyển mộ, nhân viên và lao động từ trong những nhân sự của Chủ đầu tư nếu không có sự đồng ý của Chủ đầu tư .

6.4 Luật lao động (không thay đổi)

6.5 Giờ lao động

Nhà thầu có thể bố trí làm việc ca kíp , nhưng không được trái với qui định của Luật lao động về thời gian làm việc và làm thêm giờ.



Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về thời gian làm việc và các hoạt động trên Công trường để Chủ đầu tư cử nhân viên phối hợp

6.6 Phương tiện cho nhân viên và lao động

Trừ phi được nêu khác đi trong Chỉ dẫn kỹ thuật, Nhà thầu phải cung cấp và duy trì tất cả các dịch vụ phương tiện ăn ở và bảo vệ sức khỏe cần thiết cho nhân lực của Nhà thầu. Nhà thầu còn phải cung cấp các dịch vụ điện, nước trên công trường cho nhân viên của Chủ đầu tư theo giá thỏa thuận hợp lý.

Nhà thầu không được cho phép bất kỳ người nào của Nhà thầu duy trì bất kỳ khu nhà ở tạm hoặc vĩnh cửu nào trong khu các công trình tạo thành bộ phận của công trình vĩnh cửu.

6.7 Sức khỏe và an toàn lao động.

Nhà thầu phải luôn có tất cả những sự cần trọng thích đáng để bảo đảm sức khỏe và an toàn cho nhân lực Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo sao cho các nhân viên y tế, phương tiện cấp cứu, phòng bệnh nhân, xe cứu thương luôn luôn có sẵn tại công trường và tại khu sinh hoạt cho các nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư, đồng thời phải bảo đảm có sự bố trí thích hợp cho tất cả phúc lợi và yêu cầu vệ sinh cần thiết và cho việc phòng chống bệnh dịch

Nhà thầu phải tổ chức một hệ thống An toàn viên tại công trường theo qui định của Luật Lao động, chịu trách nhiệm duy trì an toàn và bảo vệ chống tai nạn. Ban An toàn này phải có đủ năng lực để hoàn thành trách nhiệm, có thẩm quyền đưa ra những chỉ dẫn và có các biện pháp bảo vệ để phòng ngừa tai nạn. Trong suốt quá trình thi công công trình, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ bất cứ thứ gì mà người đó yêu cầu để thực thi trách nhiệm và quyền hạn về an toàn

Nhà thầu phải gửi cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan Công an, một cách sớm nhất có thể được, các chi tiết về bất kỳ tai nạn nào sau khi xảy ra. Nhà thầu cần duy trì việc ghi chép và làm báo cáo về tình trạng sức khỏe, an toàn và chăm sóc sức khỏe con người, về tình trạng hư hỏng tài sản, để phòng khi Chủ đầu tư yêu cầu.

Về việc phòng chống HIV-AIDS. Nhà thầu phải thực hiện chương trình tuyên truyền để mọi người nhận thức về HIV-AIDS thông qua nhà cung cấp dịch vụ được chấp thuận, và cam kết thực hiện các biện pháp khác như đã quy định trong Hợp đồng này để giảm nguy cơ do sự lan truyền của vi rút HIV giữa những nhân sự của Nhà thầu và dân địa phương, để sớm chẩn đoán được và giúp đỡ những cá nhân bị nhiễm bệnh.

Trong suốt quá trình hợp đồng (bao gồm cả giai đoạn thông báo những sai sót), Nhà thầu phải: (i) tiến hành các chiến dịch truyền thông thông tin, giáo dục và tư vấn, ít nhất là hàng tháng đến tất cả các nhân viên và người lao động (bao gồm tất cả người làm thuê của Nhà thầu, nhà thầu phụ, của Tư vấn, tất cả những người lái xe tải và những người giao chuyển hàng đến công trường phục vụ các hoạt động thi công) và đến cộng đồng dân cư lân cận của địa phương, về những rủi ro, nguy cơ và ảnh hưởng cũng như cách phòng tránh thích hợp đối với các căn bệnh lan truyền hoặc lây nhiễm qua đường tình dục nói chung và HIV/AIDS nói riêng; (ii)

cung cấp bao cao su cho tất cả nhân viên và người lao động trên công trường khi thích hợp; và (iii) cung cấp chương trình chiếu phim về bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và HIV/AIDS, chẩn đoán, hướng dẫn và tham khảo chương trình cấp quốc gia về phòng chống bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và HIV/AIDS, (trừ phi có thoả thuận khác) cho tất cả nhân viên và người lao động trên công trường.

Nhà thầu phải đưa vào trong chương trình kế hoạch cần đề trình để thực hiện Công trình theo Khoản 8.3 một chương trình kế hoạch để giảm thiểu sự lây nhiễm căn bệnh qua đường tình dục, bao gồm cả HIV/AIDS cho nhân viên và người lao động trên công trường và gia đình của họ. Chương trình giảm thiểu sự lây nhiễm căn bệnh qua đường tình dục và HIV/AIDS cần chỉ rõ khi, bằng cách nào và chi phí mà Nhà thầu dự kiến để thoả mãn những yêu cầu của Khoản này và chỉ dẫn kỹ thuật có liên quan. Đối với mỗi bộ phận, chương trình sẽ trình bày chi tiết các nguồn cần được cung cấp hoặc sử dụng và bất kỳ việc ký kết hợp đồng phụ có liên quan được đề xuất. Chương trình cũng bao gồm việc cung cấp dự toán chi phí chi tiết có tài liệu hỗ trợ. Việc thanh toán cho Nhà thầu để chuẩn bị và thực hiện chương trình này sẽ không vượt quá khoản tạm tính dành cho mục đích này.

6.8 Sự giám sát của Nhà thầu (không thay đổi)

6.9 Nhân lực Nhà thầu (không thay đổi)

6.10 Báo cáo về nhân lực và thiết bị Nhà thầu (không thay đổi)

6.11 Hành vi gây rối (không thay đổi)

6.12 Nhân sự người nước ngoài

Nhà thầu có thể đưa tới công trường bất kỳ nhân sự người nước ngoài nào có trình độ quản lý hoặc tay nghề bậc cao, cần thiết cho việc thực hiện công trình trong phạm vi cho phép bởi luật pháp áp dụng. Nhà thầu phải đảm bảo rằng những nhân sự này được cấp thị thực cần thiết, giấy phép cư trú và làm việc. Nếu Nhà thầu có yêu cầu, Chủ đầu tư sẽ cố gắng hết sức bằng cách thức nhanh chóng, kịp thời để hỗ trợ Nhà thầu trong việc xin giấy phép của Chính phủ, Nhà nước, địa phương để đưa nhân sự người nước ngoài vào.

Tuy nhiên, số nhân sự là người nước ngoài tại công trường cho gói thầu này (bao gồm nhân sự nước ngoài của các Nhà thầu phụ), ở cùng một thời điểm, không được vượt quá 100 người.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cho sự trở về của những nhân sự này về nơi mà họ đã được tuyển dụng hoặc nơi cư trú của họ. Trong trường hợp bất kỳ người nào trong số những nhân sự này hoặc thành viên gia đình của họ bị chết, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tương tự trong việc thu xếp một cách thích hợp mai táng hoặc sự trở về của họ.

6.13 Cung cấp thực phẩm (không thay đổi)

6.14 Cung cấp nước

Nhà thầu, có xem xét điều kiện tại địa phương, cung cấp đầy đủ nước uống và nước sử dụng khác trên công trường cho nhân sự của Nhà thầu và nhân sự khác sinh hoạt tại Công trường (bao gồm nhân lực của Nhà thầu) vì mục đích xây dựng Công trình.

6.15 Biện pháp chống côn trùng và sâu bọ gây hại

Nhà thầu phải luôn luôn có các biện pháp phòng ngừa cần thiết để bảo vệ nhân sự trên công trường (bao gồm nhân sự của các Nhà thầu, của Chủ đầu tư và nhân sự khác vì mục đích xây dựng công trình) khỏi côn trùng và sâu bọ gây hại, và để giảm mọi nguy hại cho sức khỏe của họ. Nhà thầu phải tuân thủ những quy định của cơ quan y tế địa phương, bao gồm cả việc sử dụng thuốc diệt côn trùng.

6.16 Rượu hoặc ma túy (không thay đổi)

6.17 Vũ khí và đạn dược

Nhà thầu sẽ không được cho, trao đổi hoặc bằng hình thức khác với bất kỳ người nào, bất cứ loại vũ khí hay đạn dược nào, hoặc cho phép nhân sự của Nhà thầu làm việc đó.

Việc sử dụng chất nổ trên công trường phải tuân theo các quy định của pháp luật nước Sở tại.

6.18 Phong tục lễ hội và tôn giáo (không thay đổi)

6.19 Sự thu xếp tang lễ (không thay đổi)

6.20 Cấm sử dụng lao động bị bắt ép, bắt buộc (không thay đổi)

6.21 Cấm sử dụng lao động trẻ em vào công việc có hại (không thay đổi)

6.22 Hồ sơ tuyển dụng công nhân (không thay đổi)

6.23 Hồ sơ cư trú

Nhà thầu phải đăng ký tạm trú cho các nhân sự của Nhà thầu với cơ quan Công an địa phương theo qui định của pháp luật Việt nam.

7. Thiết bị, vật liệu và tay nghề

7.1 Cách thức thực hiện (không thay đổi)

7.2 Mẫu mã (không thay đổi)

7.3 Kiểm tra (không thay đổi)

7.4 Thử nghiệm

Khoản này sẽ áp dụng đối với tất cả các việc thử được xác định trong Hợp đồng, khác với các thử nghiệm sau hoàn thành (nếu có).

Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật liệu tiêu hao, dụng cụ, lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm thích hợp, là những gì cần thiết để tiến hành có hiệu quả các cuộc thử nghiệm. Nhà thầu sẽ đồng ý, với Chủ đầu tư về thời gian địa điểm thực hiện kiểm định chi tiết bất kỳ thiết bị vật tư hay các bộ phận khác của Công trình

Chủ đầu tư có thể, theo Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*], thay đổi địa điểm hoặc chi tiết của các cuộc thử đã được xác định, hoặc chỉ dẫn cho Nhà thầu tiến hành

các cuộc thử bổ sung. Nếu những cuộc thử bổ sung hoặc có thay đổi này cho thấy thiết bị, vật liệu hoặc tay nghề được thử không theo đúng với Hợp đồng, thì chi phí thực hiện sự biến đổi này sẽ do Nhà thầu chịu, bất kể những điều khoản khác của Hợp đồng.

Chủ đầu tư cũng có thể lấy mẫu và thử không quá 25% số mẫu (hay số nhóm mẫu) thử để thử nghiệm so sánh. Nhà thầu có trách nhiệm tạo điều kiện để Chủ đầu tư thực hiện và trả chi phí cho việc này.

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu không ít hơn 24 giờ về ý định của Chủ đầu tư có tham dự các cuộc thử. Nếu Chủ đầu tư không đến tham dự vào thời gian và địa điểm đã thoả thuận thì Nhà thầu có thể tiến hành các cuộc thử, trừ phi có chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư, và sau đó, việc thử coi như đã được thực hiện với sự có mặt của Chủ đầu tư.

Nếu Nhà thầu bị chậm tiến độ và/hoặc phải chịu chi phí do làm theo chỉ dẫn đó, hoặc là do kết quả của một sự chậm trễ mà Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết và được hưởng quyền theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] đề:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [Gia hạn thời gian hoàn thành], và
- (b) thanh toán mọi chi phí nảy sinh vì lý do như vậy, và được đưa vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư phải xử lý theo Khoản 3.3 [Quyết định] để đồng ý hoặc đưa ra quyết định các vấn đề này.

Nhà thầu cần nhanh chóng gửi cho Chủ đầu tư các báo cáo về các cuộc thử nghiệm, được xác nhận theo quy định. Khi cuộc thử nghiệm, như đã được xác định, được tiến hành xong, Chủ đầu tư phải ghi ý kiến tán thành vào chứng chỉ thử của Nhà thầu, hoặc cấp chứng chỉ cho Nhà thầu về kết quả thử đó. Nếu Chủ đầu tư không tham dự cuộc thử thì coi như Chủ đầu tư đã chấp nhận các số liệu thu được là chính xác.

7.5 Từ chối (không thay đổi)

7.6 Công việc sửa chữa (không thay đổi)

7.7 Quyền sở hữu về thiết bị và vật liệu

Mỗi danh mục thiết bị hoặc vật liệu, trong phạm vi phù hợp với Luật của nước sở tại, sẽ trở thành tài sản của Chủ đầu tư, mà không bị cầm giữ hoặc gây trở ngại khi Nhà thầu được thanh toán giá trị tương ứng của thiết bị và vật liệu theo Khoản 8.10 [Thanh toán đối với thiết bị và vật liệu trong trường hợp tạm ngừng công trình].

7.8 Lệ phí sử dụng (không thay đổi)

8. Khởi công, chậm trễ và tạm ngừng

8.1 Khởi công công trình

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu ít nhất 7 ngày về Ngày khởi công. Ngày khởi công sẽ ở trong vòng 30 ngày sau khi Nhà thầu nhận được Thư chấp thuận và sau ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Ngày Hợp đồng có hiệu lực sẽ là ngày các điều kiện tiên quyết hội tụ đầy đủ và Nhà thầu nhận được Hướng dẫn của Chủ đầu tư cho biết thỏa thuận của Các bên đầy đủ và hướng dẫn bắt đầu công trình bao gồm:

- a. Việc ký kết thỏa thuận hợp đồng bởi các Bên.
- b. Giao cho Nhà thầu bằng chứng hợp lý về sắp xếp Tài chính của Chủ đầu tư theo khoản 2.4 [Sắp xếp tài chính của Chủ đầu tư].
- c. Việc sở hữu Công trường cho Nhà thầu cùng với những cho phép như vậy theo khoản 1.13 [tuân thủ theo Luật] được yêu cầu cho khởi công Công trình.
- d. Biên nhận của nhà thầu về Thanh toán tiền tạm ứng theo khoản 14.2 [Thanh toán tạm ứng] cho biết rằng Nhà thầu đã chuyển đảm bảo ngân hàng tương ứng.

Nếu Nhà thầu không nhận được hướng dẫn của Chủ đầu tư trong vòng 180 ngày từ ngày nhận Thư Chấp nhận, Nhà thầu sẽ có quyền chấm dứt Hợp đồng theo khoản 16.2(Chấm dứt bởi Nhà thầu).

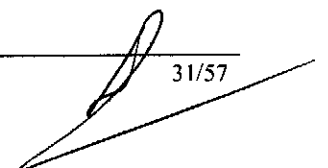
Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thiết kế, thực hiện toàn bộ công trình ngay trên cơ sở thực tế sau ngày khởi công và sẽ thực hiện công trình đúng thời hạn mà không được chậm trễ, theo từng bước như sau:

- a. Triển khai công tác Thiết kế công trình theo Điều 5 [Thiết kế].
- b. Khởi công các công trình phục vụ như: đường sá, điện, nước,... trong công trường.
- c. Khởi công xây dựng công trình chính, i) sau khi Thiết kế bản vẽ thi công hạng mục công trình được phê duyệt theo mục 5.3.4. [Thiết kế bản vẽ thi công], và ii) Nhà thầu đệ trình Hợp đồng Bảo hiểm theo Điều 18 [Bảo hiểm].

8.2 Thời gian hoàn thành

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công trình trong vòng 42 tháng kể từ Ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc 30 tháng kể từ ngày mà Nhà thầu được bàn giao điểm cuối Hầm giao thông tới Nhà máy ngầm (tùy thời điểm nào là muộn hơn), trong đó tổ máy đầu tiên được đưa vào vận hành thương mại sớm hơn 3 tháng , bao gồm:

- (a) đã qua các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành, và
- (b) hoàn thành tất cả các công việc đã được nêu trong Hợp đồng như được yêu cầu cho công trình hoặc hạng mục để được xem xét là đã hoàn thành cho các mục đích nghiệm thu theo Khoản 10.1 [Nghiệm thu công trình và các hạng mục]



8.3 Chương trình tiến độ

Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư chương trình kế hoạch thời gian chi tiết trong vòng 28 ngày sau khi nhận được thông báo theo Khoản 8.1 [Khởi công]. Nhà thầu cũng sẽ trình chương trình thời gian đã được sửa đổi nếu chương trình kế hoạch trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Mỗi chương trình kế hoạch sẽ bao gồm:

- (a) thứ tự công việc mà Nhà thầu sẽ tiến hành để thực hiện công trình, bao gồm thời gian dự tính cho mỗi giai đoạn thiết kế (nếu có), chuẩn bị Hồ sơ của Nhà thầu, mua sắm, chế tạo máy móc, việc cung cấp tại hiện trường, xây lắp, và kiểm định.
- (b) thời gian để xem lại theo Điều khoản 5.2 [Hồ sơ của Nhà thầu]
- (c) mỗi một giai đoạn công việc đó do từng thầu phụ một được chỉ định (như đã xác định ở Điều 4.5 [Nhà thầu phụ được chỉ định] và Nhà thầu cung cấp Thiết bị (gói thầu TKT-4.2.2).
- (d) trình tự và thời gian biểu kiểm tra và kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng và,
- (e) báo cáo hỗ trợ trong đó bao gồm:
 - (i) mô tả chung về các phương pháp mà Nhà thầu định áp dụng và các giai đoạn chính trong công việc thi công công trình, và
 - (ii) các chi tiết cho thấy sự ước tính hợp lý của Nhà thầu về số lượng mỗi loại nhân công của Nhà thầu và mỗi loại thiết bị của Nhà thầu cần trên công trường cho mỗi giai đoạn chính.

Trừ phi Chủ đầu tư, trong vòng 21 ngày sau khi nhận được chương trình kế hoạch, thông báo cho Nhà thầu biết phạm vi mà chương trình không phù hợp với Hợp đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện theo chương trình kế hoạch và nghĩa vụ của mình mà Hợp đồng đã quy định. Người của Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào chương trình kế hoạch khi vạch ra kế hoạch các hoạt động của họ.

Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Chủ đầu tư về các sự kiện hoặc tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu đối với công việc, làm chậm trễ việc thi công công trình. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu trình bản dự tính về những ảnh hưởng của các sự kiện hoặc tình huống trong tương lai và/hoặc đề xuất theo Khoản 13.3 [Thủ tục biến thay]

Nếu bất cứ lúc nào, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu rằng chương trình kế hoạch đã không tuân thủ (trong phạm vi đã định) với Hợp đồng hoặc không phù hợp với tiến độ thực tế và những ý định đã nêu của Nhà thầu, Nhà thầu sẽ phải trình một chương trình kế hoạch được sửa đổi cho Chủ đầu tư theo Khoản này.

Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 1 chương trình cập nhật hiện tại cho ngày cuối cùng của tháng gần nhất đến 4 tháng sau ngày chấp nhận Nhà thầu và sau đó cứ 3 tháng cho đến khi hoàn thành Công trình. Chương trình cập nhật sẽ giống như chương trình đầu tiên ngoại trừ những ngày hoàn thành đã được nêu sẽ là ngày hoàn thành được lên kế hoạch tại thời điểm đệ trình chương trình cập nhật. Chương trình cập nhật sẽ hiện thực đến ngày cuối cùng của 1 tháng dương lịch và

sẽ nêu chi tiết các chương trình “hoàn công” các công việc đã thực hiện. Chúng sẽ được đệ trình không chậm hơn ngày 10 của tháng kế tiếp.

Khi được yêu cầu, Nhà thầu sẽ ngay lập tức cung cấp 1 chương trình phụ cho hạng mục cụ thể của Công trình vĩnh cửu.

8.4 Gia hạn thời gian hoàn thành

Nhà thầu sẽ được phép theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] gia hạn thời gian hoàn thành nếu và ở phạm vi mà việc hoàn thành cho mục đích của Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình*] đang hoặc sẽ bị chậm trễ do một trong những lý do sau đây:

- (a) Có sự thay đổi (trừ phi việc điều chỉnh thời gian hoàn thành đã được thống nhất theo Khoản 13.3 [*Thủ tục thay đổi*]).
- (b) Nguyên nhân của sự chậm trễ dẫn đến việc được kéo dài thêm về mặt thời gian theo một Khoản của những Điều kiện này
- (c) Trong những điều kiện thời tiết xấu bất thường vượt quá tần suất thiết kế .
- (d) Việc thiếu nhân lực hay hàng hoá không thể lường trước được do các hoạt động của Chính phủ hay dịch bệnh gây ra
- (e) Sự chậm trễ, trở ngại hoặc cản trở trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra hoặc bị quy kết

Nếu nhà thầu tự coi như mình đã được phép gia hạn thời gian hoàn thành, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*]. Khi xác định việc kéo dài thời gian theo Khoản 20.1, Chủ đầu tư phải xem xét lại những quyết định trước đó của mình và có thể tăng, chứ không được giảm tổng thời gian kéo dài.

8.5 Chậm trễ do Nhà chức trách (không thay đổi)

8.6 Tiên độ thực hiện (không thay đổi)

8.7 Những thiệt hại do chậm trễ

quy định tại Những điều kiện cụ thể Phần A

8.8 Tạm ngừng công việc (không thay đổi)

8.9 Hậu quả của việc tạm ngừng (không thay đổi)

8.10 Thanh toán tiền thiết bị và vật liệu trong trường hợp tạm ngừng (không thay đổi)

8.11 Kéo dài tình trạng tạm ngừng (không thay đổi)

8.12 Nói lại công việc (không thay đổi)

9. Thử nghiệm khi hoàn thành

9.1 Nghĩa vụ Nhà thầu

Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành theo Điều này và Khoản 7.4 [Kiểm định], sau khi đã cung cấp các tài liệu theo điểm (d) Khoản 4-1 [Các nghĩa vụ chung của Nhà thầu] khoản 5.6 [Hồ sơ hoàn công] và khoản 5.7 [Hướng dẫn hoạt động và Vận hành]

Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 21 ngày về ngày mà Nhà thầu đã sẵn sàng tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành. Trừ phi đã có thỏa thuận khác, các cuộc kiểm định khi hoàn thành sẽ được tiến hành trong vòng 14 ngày sau ngày đã thông báo, vào ngày hoặc các ngày mà Chủ đầu tư đã hướng dẫn.

Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện đặc biệt, Thử nghiệm khi hoàn thành sẽ thực hiện như sau:

- a. thử nghiệm trước khi bắt đầu hoạt động, bao gồm kiểm tra thích hợp và thử nghiệm các bộ phận công trình có thể an toàn thực hiện các bước tiếp theo (b)
- b. thử nghiệm chạy thử,... (không thay đổi)

9.2 Việc thử nghiệm bị chậm trễ (không thay đổi)

9.3 Thử nghiệm lại (không thay đổi)

9.4 Không vượt qua các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành (không thay đổi)

10. Nghiệm thu của Chủ đầu tư

10.1 Nghiệm thu trong quá trình thi công:

Trong quá trình thi công, Chủ đầu tư thực hiện nghiệm thu và cấp chứng chỉ (cũng như yêu cầu sửa chữa sai sót) cho từng công việc của từng hạng mục công trình nhằm đảm bảo sự phù hợp với thiết kế về: i) hình dáng, kích thước công trình (hay bộ phận công trình); ii) các loại vật liệu được sử dụng cho công trình; iii) sự tuân thủ giải pháp công nghệ thi công đã được phê chuẩn, và iv) chất lượng xây dựng công trình (hay bộ phận công trình) sau khi thực hiện các khoản 7.4 [Kiểm định], 7.5 [Tư chốt], 7.6 [Công việc sửa chữa].

10.2 Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình: (chuyên từ 10.1)

Gói thầu sẽ được Nghiệm thu làm hai lần:

1. Tổ máy số 1 bao gồm: i) Hàm dẫn nước; ii) Tháp điều áp; iii) Đoạn hàm/ ống áp lực từ Tháp điều áp tới Nhà máy; iv) Phần Xây dựng Nhà máy đồng bộ với công việc lắp đặt Tổ máy số 1 (bao gồm Máy biến áp số 1 và Trạm phân phối 220 KV); v) Hàm và kênh xả hạ lưu.

2. Toàn bộ Nhà máy.

Trừ những quy định trong Khoản 9.4 [*Không vượt qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành*], công trình sẽ được Chủ đầu tư nghiệm thu khi (i) công trình đã được hoàn thành theo đúng Hợp đồng, bao gồm cả những vấn đề được nêu trong Khoản 8.2 [*Thời gian hoàn thành*] và trừ những nội dung được cho phép trong phần (a) dưới đây và (ii) đã được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hoặc coi là đã được cấp Chứng chỉ theo Khoản này

Nhà thầu có thể bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư để xin được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình không sớm hơn 14 ngày trước khi, theo Nhà thầu, công trình đã được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao. Nếu công trình được chia thành các hạng mục, tương tự như vậy Nhà thầu có thể xin được cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho mỗi hạng mục.

Chủ đầu tư, trong vòng 28 ngày sau khi nhận được đơn của Nhà thầu, sẽ:

- (a) cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình cho Nhà thầu, nêu rõ ngày công trình hay hạng mục đã được hoàn thành theo Hợp đồng, trừ những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình hay các hạng mục cho mục đích ban đầu (cho đến khi hoặc trong khi những việc này được hoàn thành và các sai sót được sửa chữa) hoặc
- (b) bác bỏ đơn và đưa ra lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu cần phải làm để được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình. Nhà thầu sẽ phải hoàn thành những công việc này trước khi đưa ra thông báo tiếp theo Khoản này.

Nếu Chủ đầu tư không cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hay bác bỏ đơn của Nhà thầu trong thời gian 28 ngày và nếu công trình hay hạng mục (tùy theo từng trường hợp) về cơ bản đúng với Hợp đồng, Chứng chỉ nghiệm thu công trình coi như đã được cấp vào ngày cuối cùng của thời kỳ này.

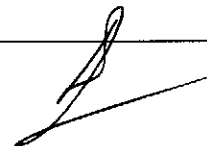
Nhà thầu phải cam kết rằng các bản vẽ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, các ý tưởng thiết kế, các bảng tính và các tài liệu khác do nhà thầu lập và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ cá nhân hoặc Bên thứ 3 nào khác.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại rằng bất kỳ bản vẽ, thuyết minh tính toán, báo cáo, chi tiết thiết kế hoặc các tài liệu khác theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay sở hữu trí tuệ của cá nhân hay bên thứ 3 nào.

10.3 Nghiệm thu bộ phận công trình (chuyển từ 10.2)

10.4 Can thiệp vào các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành (chuyển từ 10.3)

10.5 Yêu cầu bố trí lại mặt bằng (chuyển từ 10.4)



11. Trách nhiệm đối với các sai sót

11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót

Để công trình hoặc tài liệu của Nhà thầu và mỗi hạng mục phải luôn ở trong tình trạng do Hợp đồng quy định (trừ trường hợp hao mòn, hư hỏng hợp lý) đến ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót hoặc càng sớm càng tốt, Nhà thầu sẽ phải:

- (a) hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu, và
- (b) thực hiện các công việc sửa chữa các sai sót, do Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư thông báo vào ngày hoặc trước ngày Thời hạn thông báo sai sót, của công trình hay hạng mục hết hạn (nếu trường hợp xảy ra)

Nếu sai sót xuất hiện hoặc hư hỏng xảy ra, Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư thông báo. Tuy nhiên, trách nhiệm của Nhà thầu cũng không chỉ giới hạn trong những thông báo này.

- 11.2 Chi phí do việc sửa chữa sai sót (không thay đổi)
- 11.3 Kéo dài thời hạn thông báo sai sót (không thay đổi)
- 11.4 Không sửa chữa được sai sót (không thay đổi)
- 11.5 Di chuyển công việc bị sai sót (không thay đổi)
- 11.6 Các kiểm định thêm (không thay đổi)
- 11.7 Quyền được ra vào (không thay đổi)
- 11.8 Nhà thầu tìm nguyên nhân (không thay đổi)
- 11.9 Chứng chỉ thực hiện (không thay đổi)
- 11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành (không thay đổi)
- 11.11 Dọn dẹp công trường (không thay đổi)

12. Đo lường và đánh giá & Thử nghiệm sau khi kết thúc

12.1 Đo lường và đánh giá (không đổi)

- 12.1.1 Công việc cần đo lường
- 12.1.2 Phương pháp đo lường
- 12.1.3 Đánh giá
- 12.1.4 Sự bỏ sót

12.2. Thử nghiệm sau khi kết thúc

12.2.1 Thủ tục thử nghiệm sau khi kết thúc:

- a. Chủ đầu tư sẽ cung cấp tất cả điện, nhiên liệu, nguyên liệu và sẵn sàng về Nhân lực và Thiết bị của Chủ đầu tư

- b. Nhà thầu sẽ cung cấp các thiết bị, dụng cụ, nhân viên có kinh nghiệm và năng lực thích hợp, cần thiết để thực hiện Thử nghiệm sau khi hoàn thành một cách có hiệu quả; và
- c. Nhà thầu sẽ thực hiện thử nghiệm sau khi hoàn thành với sự hiện diện Nhân lực của Chủ đầu tư và của Nhà thầu nếu các Bên có thể yêu cầu chính đáng.

Thử nghiệm sau khi hoàn thành thực hiện 1 cách thích hợp sau khi Công trình và hạng mục được nghiệm thu bởi Chủ đầu tư và hoàn thành đồng bộ với công việc lắp đặt Thiết bị. Chủ đầu tư sẽ thông báo đến Nhà thầu trong vòng 7 ngày trước khi tiến hành thử nghiệm sẽ được thực hiện.

Kết quả của thử nghiệm sau khi hoàn thành sẽ được biên soạn và đánh giá bởi Nhà thầu theo mục 5.3.5 [Giám sát tác giá], và Nhà thầu sẽ chuẩn bị 1 báo cáo chi tiết. Các mục thích hợp sẽ được đưa vào sử dụng cho các Công trình dùng trước của Chủ đầu tư.

12.2.2 Việc thử bị để chậm lại (không thay đổi)

12.3.3 Thử lại (không thay đổi)

12.2.4 Việc thử lại không đạt sau khi kết thúc (không thay đổi)

13. Những thay đổi và điều chỉnh

13.1. Quyền được thay đổi

Việc biến đổi có thể được Chủ đầu tư triển khai vào bất cứ lúc nào trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình bằng việc yêu cầu hoặc hướng dẫn cho Nhà thầu trình đề xuất.

Nhà thầu sẽ thực hiện và chịu trách nhiệm về mỗi việc biến đổi, trừ phi Nhà thầu thông báo ngay cho Chủ đầu tư nêu rõ (với các chi tiết hỗ trợ cụ thể) rằng Nhà thầu không thể có được ngay những hàng hoá cần thiết theo yêu cầu cho việc biến đổi. Khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ huỷ bỏ, khẳng định hoặc thay đổi hướng dẫn.

Sự biến đổi bao gồm các thay đổi khi gặp điều kiện địa chất xấu như đã nêu trong mục c, khoản 4.12 [Điều kiện vật chất không lường trước được]

13.2. Tư vấn về giá trị công trình

Vào bất cứ lúc nào, Nhà thầu sẽ đề đạt lên Chủ đầu tư các kiến nghị bằng văn bản mà (theo ý kiến của Nhà thầu) nếu được áp dụng sẽ, (i) đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, (ii) giảm chi phí cho Chủ đầu tư trong việc điều hành, bảo dưỡng hoặc vận hành công trình, (iii) tăng hiệu quả hoặc giá trị của công trình đã hoàn thành cho Chủ đầu tư, hoặc (iv) sẽ có lợi cho Chủ đầu tư.

Đề xuất đó sẽ được soạn thảo bằng chi phí của Nhà thầu và sẽ bao gồm các hạng mục ở Khoản 13.3 [Thủ tục biến đổi]

Nếu một kiến nghị đã được Chủ đầu tư chấp thuận, bao gồm sự thay đổi trong thiết kế của bộ phận công trình vĩnh cửu, mà trừ phi được hai bên thoả thuận khác đi:

- (a) Nhà thầu sẽ thiết kế phần này
- (b) đoạn (a) đến (d) của Khoản 4.1 [Nghĩa vụ chung của Nhà thầu] sẽ có tác dụng, và

Nếu sự sửa đổi dẫn đến một sự chiết giảm bớt giá Hợp đồng của phần đó, Chủ đầu tư sẽ tiến hành theo Khoản 3.3 [Quyết định] để thoả thuận.

13.3. Thủ tục thay đổi

Nếu Chủ đầu tư yêu cầu một đề xuất trước khi hướng dẫn biến đổi, Nhà thầu sẽ trả lời bằng văn bản ngay lý do tại sao Nhà thầu không thể đáp ứng (nếu là trường hợp đó) hoặc nộp:

- (a) bản mô tả công việc đề xuất sẽ được tiến hành và kế hoạch thực hiện chúng
- (b) đề xuất của Nhà thầu về các sửa đổi cần thiết cho chương trình kế hoạch theo Khoản 8.3 [Chương trình tiến độ] và cho thời gian hoàn thành, và
- (c) đề xuất của Nhà thầu về việc đánh giá sự biến đổi

Chủ đầu tư, ngay sau khi nhận được đề xuất đó (theo Khoản 13.2 [Tư vấn về giá trị công trình] và cái khác) sẽ trả lời nêu rõ đồng ý hay không đồng ý, hoặc có ý kiến. Nhà thầu sẽ không được trì hoãn công việc nào trong khi đợi sự phản hồi từ phía Chủ đầu tư.

Trong khi hướng dẫn và phê duyệt 1 Biến đổi, Chủ đầu tư sẽ tiến hành theo Điều khoản 3.3 [Quyết định] đồng ý hay xác định điều chỉnh.

13.4. Thanh toán bằng tiền tệ quy định

Hợp đồng này được thanh toán bằng hai loại tiền tệ với tổng giá trị từng loại như sau:

- i) Ngoại tệ, với giá trị cố định bằng 25 triệu USD, và
- ii) Đồng Việt Nam (VND), với Giá trị trúng thầu. (Đồng nghĩa với việc chi đấu thầu cho một loại tiền là VND).
- iii) Đồng Việt Nam (VND) cho Giá trị điều chỉnh theo Điều 13 [Những thay đổi và điều chỉnh]

Trường hợp Nhà thầu không dùng Ngoại tệ, thì số Ngoại tệ cố định theo khoản (a) sẽ được tính đổi qua Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân Liên Ngân hàng (Vietcombank, Incombank, BIDV, Agribank) tại thời điểm ngày mở thầu.

Cho mục đích này, tỷ lệ tiền tệ thực tế hoặc dự kiến cho chi phí của công việc được sửa đổi và tỷ lệ các loại tiền tệ khác nhau được xác định trong việc thanh toán Giá Hợp đồng sẽ được nêu trong bảng Giá Hợp đồng.

13.5. Khoản tiền tạm tính (không thay đổi)

13.6. Ngày làm việc (không áp dụng)

13.7. Điều chỉnh do thay đổi luật pháp

Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh để tính đến việc tăng hoặc giảm chi phí này sinh từ việc thay đổi chính sách thuế của chính phủ, được thực hiện sau Ngày Cơ sở, làm ảnh hưởng đến Nhà thầu trong việc thực hiện những nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu phải chịu (hoặc sẽ phải chịu) những chi phí phát sinh (hoặc sẽ phát sinh) thêm do việc thay đổi luật hoặc việc diễn giải về các luật đó, được thực hiện sau Ngày Cơ sở, Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] sẽ được phép thanh toán các chi phí đó, sẽ được tính vào Giá Hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định những vấn đề này theo Khoản 3.3 [Quyết định]

Tuy nhiên như đề cập, Nhà thầu sẽ không có quyền mở rộng thời gian nếu sự chậm trễ liên quan đã được đưa vào xác định thời hạn trước và Chi phí như vậy sẽ không được thanh toán tách rời nếu việc tương tự đã được đưa vào phụ lục hay đã đưa vào bất kỳ bảng biểu hay dữ liệu điều chỉnh theo quy định tại điều khoản 13.8 [Điều chỉnh những thay đổi về Chi phí]

13.8. Điều chỉnh do thay đổi về chi phí :

qui định trong Điều kiện cụ thể Phần A.

13.9. Điều chỉnh do không đảm bảo mức tổn thất thủy lực:

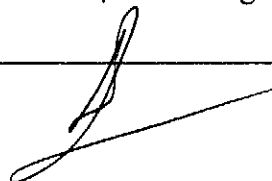
Theo Điều 12.2 [Thử nghiệm sau khi kết thúc], mà sau khi thử nghiệm, tổn thất thủy lực ứng với lưu lượng thiết kế của turbine lớn hơn tổn thất thủy lực được tính toán trong Hồ sơ Dự thầu đã được Chủ đầu tư chấp nhận, làm cho hiệu suất toàn nhà máy giảm, thì mỗi mét cột nước tổn thất tăng thêm đó sẽ điều chỉnh giảm 3 tỷ VND vào Giá Hợp đồng.

14. Giá hợp đồng và thanh toán

14.1. Giá Hợp đồng:

14.1.1 Giá trúng thầu: Giá trúng thầu là giá Hợp đồng trọn gói tương ứng với các dữ kiện đấu thầu và đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp nhận trong “ Thư chấp nhận”. Chủ đầu tư không chấp nhận bất kỳ sự bổ sung Giá của bất kỳ hạng mục công việc nào (dù là của công trình sử dụng tạm thời hay vĩnh cửu).

- (a) Thanh toán cho Công trình sẽ dựa trên cơ bản toàn bộ số tiền Giá hợp đồng và được điều chỉnh theo mục c, Khoản 13.1 [Quyền được thay đổi], Khoản 13.8 [Điều chỉnh do thay đổi về chi phí]. và
- (b) Nhà thầu sẽ phải trả tất cả các loại thuế, phí được yêu cầu phải trả theo Hợp đồng, và Giá Hợp đồng sẽ không được điều chỉnh cho các chi phí này, trừ khi được nêu trong Khoản 13.7 [Điều chỉnh do thay đổi về luật pháp];
- (c) Khối lượng công việc được nêu trong phiếu tiên lượng hoặc các bảng khác được coi là những khối lượng ước tính, nhưng phải được xác nhận bởi Chủ đầu tư với sai lệch +/- 5%.
- (d) Nhà thầu sẽ cung cấp cho Chủ đầu tư trong vòng 28 ngày sau ngày khởi công một bảng phân tích về mỗi giá trọn gói ở trong các Bản danh mục. Chủ đầu tư sẽ lưu ý đến bản phân tích khi chuẩn bị các chứng từ thanh toán nhưng không bị nó ràng buộc.



14.1.2 Thay đổi Giá bởi Chủ đầu tư: Sau ngày Hợp đồng có hiệu lực, nếu Chủ đầu tư có những đề xuất làm giảm giá Công trình thì Giá Hợp đồng được điều chỉnh theo các điều kiện sau:

- i) Nhà thầu chịu các chi phí về khảo sát và thiết kế bổ sung, và
- ii) được hưởng 50% Giá trị chênh lệch do giảm giá công trình.

Nếu những Đề xuất của Chủ đầu tư được lấy từ Hồ sơ dự thầu của các Nhà dự thầu khác (đã tham gia dự thầu gói thầu này), thì Chủ đầu tư sẽ trực tiếp hoặc ủy quyền cho Nhà thầu thương thảo với Nhà dự thầu đó để sử dụng bản quyền theo Điều 1.10 [*Chủ đầu tư sử dụng tài liệu Nhà thầu*], chi phí này được tính trong phần i).

14.2 Tạm ứng

Chủ đầu tư sẽ ứng trước, như một khoản vay không có lãi suất cho việc huy động và giúp lưu chuyển tiền tệ, khi Nhà thầu trình một bản bảo lãnh theo Khoản này. Tổng số ứng trước bằng 15% giá trị Hợp đồng theo tỷ lệ tiền tệ tương ứng được chia làm hai đợt:

- Đợt 1: 7,5% Giá trị Hợp đồng, sau khi nhận được Bảo lãnh Hợp đồng,
- Đợt 2: 7,5% Giá trị Hợp đồng, sau khi Thiết kế kỹ thuật được phê duyệt.


Trừ phi và cho đến khi Chủ đầu tư nhận được giấy bảo lãnh này, hoặc nếu tổng số ứng trước không được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Chủ đầu tư sẽ cấp Chứng chỉ thanh toán tạm cho lần thanh toán đầu tiên sau đó nhận được một bản báo cáo theo Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*] và sau khi Chủ đầu tư nhận được (i) Bảo lãnh thực hiện theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] và (ii) một bảo lãnh bằng số lượng và tiền tệ tương đương với số tiền ứng trước. Bảo lãnh này sẽ được một cơ quan cấp và từ trong một nước (hoặc pháp quyền khác) do Chủ đầu tư chấp thuận, và sẽ theo biểu mẫu phụ lục của các Điều kiện riêng hoặc theo biểu mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo lãnh là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi việc ứng trước đã được hoàn trả, nhưng số tiền này có thể sẽ được chiết khấu lũy tiến bởi số tiền mà Nhà thầu trả lại như đã nêu trong Chứng chỉ thanh toán. Nếu các điều khoản của bảo lãnh nêu cụ thể ngày hết hạn bảo lãnh và việc ứng trước không được hoàn trả trước ngày hết hạn 28 ngày, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh cho đến khi việc ứng trước đã được hoàn trả.

Việc ứng trước sẽ được hoàn trả thông qua các chiết khấu phần trăm trong Chứng chỉ thanh toán tạm được xác định bởi Chủ đầu tư như sau:

- (a) Mỗi lần thanh toán tạm theo Khoản 14.7 [*Thanh toán*], Chủ đầu tư giữ lại 25% Giá trị của Chứng chỉ thanh toán đó, bao gồm khoản thu hồi Tạm ứng 15%) và khoản tiền Tạm giữ lại (10%).
- (b) Đến khi tổng số tiền Thanh toán tạm (lũy kế) bằng 80% Giá trị Hợp đồng thì không trừ nữa.



Như vậy, số tiền tạm giữ lại nhiều nhất được qui định trong Dữ liệu Hợp đồng là 20% Giá trị hợp đồng. Số tiền này sẽ được Chủ đầu tư thanh toán theo Khoản 14.9 [Thanh toán tiền bị giữ lại]

Nếu việc ứng trước vẫn chưa được hoàn trả trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hoặc trước khi chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 15 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư], Điều 16 [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu] hoặc Điều 19 [Bất khả kháng] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số nợ sẽ là nợ đến kỳ và trong trường hợp chấm dứt theo Điều khoản 15 (Chấm dứt bởi Chủ đầu tư) và điều khoản 19.6 (Ngừng công việc không bắt buộc, Thanh toán, Di dời) và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

14.3. Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm:

Nhà thầu sẽ trình báo cáo (6 bản) lên Chủ đầu tư theo lịch trình thanh toán (mục 14.4 [Kế hoạch thanh toán]) bằng biểu mẫu mà Chủ đầu tư chấp thuận, trình bày chi tiết các số tiền mà Nhà thầu cho là mình được hưởng, cùng với các tài liệu hỗ trợ bao gồm cả báo cáo về tiến độ trong tháng theo Khoản 4.21 [Báo cáo tiến độ], khoản chiết khấu ứng trước và giữ lại theo Khoản 14.2 [Ứng trước]

Báo cáo sẽ bao gồm những mục được nêu cụ thể bằng các loại tiền tệ khác nhau theo tỷ lệ mà Giá Hợp đồng có thể thanh toán theo tuần tự:

- (a) giá trị hợp đồng ước tính của các công việc được thi công và các tài liệu của Nhà thầu được chuẩn bị (bao gồm cả biến đổi nhưng không bao gồm các nội dung được nêu trong phần (b) đến (g) dưới đây);
- (b) bất cứ số tiền nào được thêm vào hay giảm đi do có sự thay đổi về luật pháp và thay đổi về chi phí theo Khoản 13.7 [Điều chỉnh do thay đổi luật pháp] và Khoản 13.8 [Điều chỉnh do thay đổi về chi phí];
- (c) bất cứ số tiền nào bị chiết khấu đi để giữ lại, được tính toán bằng cách áp dụng phần trăm để giữ lại được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu đối với tổng số tiền trên cho đến khi số tiền do Chủ đầu tư giữ lại đạt tới giới hạn 80% Giá trị Hợp đồng;
- (d) số tiền thêm vào và giảm đi cho ứng trước và hoàn trả theo Khoản 14.2 [ứng trước]
- (e) (không áp dụng)
- (f) các việc thêm vào hoặc bớt đi có thể trở thành nợ đến hạn theo Hợp đồng hoặc quy định khác thuộc các nội dung của Điều 20 [Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài], và
- (g) việc chiết khấu số tiền được xác nhận trong các Chứng chỉ thanh toán trước đó

14.4. Kế hoạch Thanh toán

Hợp đồng có một lịch trình thanh toán nêu cụ thể về các đợt thanh toán trong đó Giá Hợp đồng sẽ được thanh toán, khi đó trừ phi được nêu khác đi trong lịch trình này thì:

- (a) các đợt thanh toán được nêu trong lịch trình thanh toán sẽ là các giá trị hợp đồng ước tính cho các mục đích của phần (a) của Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*]
- (b) (không áp dụng)
- (c) Nếu tiến độ thực tế được phát hiện thấy chậm hơn (hoặc nhanh hơn) tiến độ của lịch trình thanh toán, căn cứ vào đó Chủ đầu tư có thể đồng ý hoặc xác định những đợt thanh toán sửa đổi theo Khoản 3.3 [*Quyết định*] có tính đến phạm vi mức độ mà tiến độ đang chậm hơn (hoặc nhanh hơn) so với tiến độ đã được xác định trước đó

14.5. Thiết bị và các vật liệu sẽ dùng cho công trình

(Không áp dụng)

14.6. Cấp Chứng chỉ thanh toán tạm (không thay đổi).

14.7. Thanh toán (không thay đổi)

14.8. Thanh toán bị chậm trễ

Nếu Nhà thầu không nhận được tiền thanh toán theo Khoản 14.7 [*Thanh toán*] Nhà thầu sẽ được nhận các thanh toán tài chính theo từng tháng trên cơ sở số tiền đã không được thanh toán trong thời gian chậm trễ. Thời gian này sẽ được coi như bắt đầu từ ngày thanh toán được nêu cụ thể trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] bất kỳ đến (trong trường hợp của phần (b)) ngày mà Chứng chỉ thanh toán được cấp.


Những khoản thanh toán tài chính này sẽ được tính theo tỷ lệ lãi suất hàng năm là 3%, hoặc tỉ lệ lãi suất cho vay liên Ngân hàng: VCB, BIDV, ICB trên tổng số tiền Thanh toán bị chậm trễ của loại tiền tệ thanh toán.

Nhà thầu sẽ được nhận khoản thanh toán này mà không cần có thông báo hoặc chứng nhận chính thức và không làm ảnh hưởng quyền lợi hoặc phương cách khác.

14.9. Thanh toán khoản tiền giữ lại

Khi chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho các công việc và Công trình đã vượt qua các thử nghiệm theo quy định (bao gồm cả thử nghiệm sau khi hoàn thành), 1/2 số tiền giữ lại đầu tiên sẽ được Chủ đầu tư xác nhận để thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho một hạng mục hoặc bộ phận của công trình, một tỷ lệ của số tiền giữ lại sẽ được chứng nhận và được thanh toán. Tỷ lệ đó sẽ bằng 2/5 (40%) của tỷ lệ được tính toán bằng cách chia giá trị dự tính của Hợp đồng của hạng mục hoặc bộ phận công trình cho giá trị hợp đồng cuối cùng được ước tính, nếu Hạng mục vượt qua tất cả thử nghiệm.

Ngay sau ngày hết hạn cuối cùng của Thời hạn thông báo sai sót hư hỏng, việc cân đối tồn đọng của số tiền giữ lại sẽ được Chủ đầu tư chứng nhận để thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho một hạng mục, tỷ lệ phần trăm tương ứng của nửa sau số tiền giữ lại sẽ được chứng nhận và được thanh toán ngay sau ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót của hạng mục. Tỷ lệ đó sẽ bằng 50% của tỷ lệ được tính bằng cách chia giá trị hợp đồng dự tính của hạng mục cho giá trị hợp đồng cuối cùng được tính.



Tuy nhiên, nếu công việc nào còn chưa được thực hiện theo Điều 11 [Trách nhiệm đối với sai sót] hay Điều 12. [thử nghiệm sau khi hoàn thành], Chủ đầu tư sẽ có quyền từ chối chứng nhận về chi phí dự tính cho công việc này cho đến khi công việc đó được tiến hành xong.

Cũng như vậy, khi Chủ đầu tư có khiếu nại theo Điều 2.5 [Khiếu nại của Chủ đầu tư], nếu số tiền mà Chủ đầu tư đòi bồi thường chưa được Quyết định, Chủ đầu tư sẽ chưa Thanh toán khoản tiền này.

Khi tính các tỷ lệ đó, sẽ không có sự tính toán cho các điều chỉnh nào theo Khoản 13.7 [Điều chỉnh do thay đổi về giá] và Khoản 13.8 [Điều chỉnh do thay đổi về chi phí]

Nếu Chứng chỉ Nghiệm thu được phát hành cho Công trình thì Chủ đầu tư sẽ chứng nhận thanh toán 50% số tiền Giữ lại, Nhà thầu sẽ có quyền hình thành bảo hành theo mẫu trong Điều kiện đặc biệt hay mẫu khác do Chủ đầu tư phê duyệt và quy định hay do tổ chức do Chủ đầu tư quy định để nhận lại nửa số tiền còn lại lần thứ 2. Nhà thầu phải chắc rằng số tiền bảo lãnh Hợp đồng bằng đúng số tiền và loại tiền tệ như số tiền Giữ lại một nửa được thanh toán lần thứ hai và giá trị và hiệu lực đến khi Nhà thầu đã thực hiện xong và hoàn thành kết thúc Công trình và chỉnh sửa bất kỳ sai sót, được quy định trong Đảm bảo thực hiện tại Điều khoản 4.2 Trong biên nhận về số tiền bảo lãnh Hợp đồng được yêu cầu theo Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ thanh toán nửa thứ hai của số tiền Giữ lại. Việc phát hành số tiền Giữ lại lần thứ hai khi số tiền bảo hành được thay cho như đoạn 2 của điều khoản này. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả số tiền bảo hành trong vòng 21 ngày sau khi cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng theo Khoản 14.13 [Cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng].

Nếu Đảm bảo thực hiện theo yêu cầu của điều khoản 4.2 là một hình thức đảm bảo theo nhu cầu, và số tiền được đảm bảo theo đó thì nếu Chứng chỉ Nghiệm thu được cấp nhiều hơn một nửa số tiền giữ lại, thì đảm bảo tiền giữ lại không được yêu cầu. Nếu số tiền được đảm bảo theo hình thức Đảm bảo thực hiện thì Chứng chỉ Nghiệm thu sẽ được cấp ít hơn một nửa Tiền giữ lại, đảm bảo tiền giữ lại sẽ chỉ được yêu cầu cho số tiền chênh lệch giữa một nửa Tiền giữ lại và số tiền được đảm bảo theo Đảm bảo thực hiện

14.10. Báo cáo khi hoàn thành (không thay đổi)

14.11. Xin cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng (không thay đổi)

14.12. Trang trái xong (không thay đổi)

14.13. Cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng (không thay đổi)

14.14. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư (không thay đổi)

14.15. Tiền tệ thanh toán

Giá Hợp đồng sẽ được thanh toán bằng Ngoại tệ và Nội tệ (VND) theo Mục 14.1.1 [Giá trúng thầu]. Việc thanh toán sẽ được thể hiện như sau:

(a) số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng chỉ được tính bằng Nội tệ khi:

(i) Tỷ lệ hoặc các khoản tiền được tính bằng Nội tệ và Ngoại tệ và tỷ lệ trao đổi ấn định được sử dụng để tính tiền thanh toán như đã nêu cụ thể

trong Phụ lục Hồ sơ thầu, việc thanh toán và chiết khấu theo Khoản 13.5 [Tiền tạm ứng],

(ii) Khoản 13.7 [Điều chỉnh do thay đổi luật pháp] và Khoản 13.8 [Điều chỉnh do thay đổi chi phí]; và

(iii) việc thanh toán và chiết khấu khác trong phần (a) đến (d) của Khoản 14.3 [Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm] sẽ được tính bằng các tiền tệ và tỷ lệ được nêu rõ trong phần (a) (i) ở trên

(b) việc thanh toán các thiệt hại được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ thầu được tính bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu;

(c) các thanh toán khác của Nhà thầu do Chủ đầu tư sẽ được tính bằng loại tiền tệ mà số tiền do Chủ đầu tư đã chi tiêu bằng loại tiền tệ đó hoặc bằng tiền tệ mà cả hai Bên có thể thoả thuận;

(d) nếu bất cứ số tiền nào mà Nhà thầu thanh toán cho Chủ đầu tư bằng loại tiền tệ riêng vượt quá số tiền mà Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu bằng loại tiền tệ đó, Chủ đầu tư có thể thu lại phần cân đối của số tiền này từ các khoản tiền khác thanh toán cho Nhà thầu bằng các loại tiền tệ khác; và

nếu không có tỷ giá trao đổi nào được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu, thì sẽ sử dụng tỷ giá vào Ngày khởi công và do Ngân hàng nước sở tại xác định.

14.16 Nơi thanh toán:

Việc thanh toán cho Nhà thầu bởi Chủ đầu tư sẽ theo loại tiền tệ trong Giá hợp đồng có thể được thanh toán vào tài khoản ngân hàng hay các tài khoản được chỉ định bởi Nhà thầu và được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

14.17 Thuế:

14.17.1 Thuế nước ngoài:

Các giá, tỉ giá đấu thầu của Nhà thầu đã bao gồm tất cả các loại thuế, nghĩa vụ thuế và các khoản phí khác phải chịu ngoài nước của Chủ đầu tư về sản xuất, chế tạo, bán hàng, và vận chuyển thiết bị, máy móc, vật liệu, và các cung cấp khác của Nhà thầu được dùng hay cung cấp theo Hợp đồng và cho các dịch vụ thực hiện theo Hợp đồng.

14.17.2 Thuế trong nước:

Trừ trường hợp quy định khác trong Hợp đồng, giá Hợp đồng bao gồm các loại thuế, lệ phí, như thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế thu nhập doanh nghiệp (CIT), thuế thu nhập cá nhân (PIT) liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này mà Bên bán hoặc nhà thầu phụ của Bên bán phải nộp cho cơ quan Thuế Việt Nam theo luật thuế hiện hành, cũng như các loại thuế và lệ phí phát sinh ngoài Việt Nam.

Trường hợp là Nhà thầu nước ngoài, thuế giá trị gia tăng (VAT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (CIT) áp dụng đối với hợp đồng sẽ được Bên mua giữ lại và nộp cho Cơ quan Thuế của Việt Nam.

14.7.3 Các nghĩa vụ đối với thiết bị của Nhà thầu:

Nhà thầu phải chịu tất cả các khoản nghĩa vụ phải trả tại Việt nam theo luật liên quan đến Hải quan và thuế.

15. Chấm dứt hợp đồng bởi chủ đầu tư

15.1 Thông báo sửa chữa (không thay đổi)

15.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Nhà thầu:

- (a) không tuân thủ Khoản 4.2 [*Bảo lãnh Hợp đồng*] hoặc với một thông báo theo Khoản 15.1 [*Thông báo sửa chữa*],
- (b) bỏ dở công trình hoặc thể hiện ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng
- (c) không có lý do chính đáng mà lại không:
 - (i) tiếp tục công trình theo Điều 8 [*Khởi công, Chậm trễ và Tam ngừng*], hoặc
 - (ii) tuân thủ thông báo đã được đưa ra theo Khoản 7.5 [*Từ chối*] hoặc Khoản 7.6 [*Công việc sửa chữa*] trong vòng 28 ngày sau khi nhận được thông báo,
- (d) cho thầu phụ vượt quá quy định tại khoản 4.4 [*Nhà thầu phụ*] hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thoả thuận theo yêu cầu,
- (e) bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người được uỷ quyền hoặc người quản lý tài sản, hoặc có hành động nào được thực hiện hoặc sự kiện xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này, hoặc
- (f) đưa hoặc có ngò ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) dứt lốt, quà tặng hay tiền hoa hồng hoặc các vật khác có giá trị cho người nào đó như phần thưởng để mua chuộc:
 - (i) để thực hiện hoặc chịu thực hiện các hành động liên quan đến Hợp đồng, hoặc
 - (ii) để tỏ ra là thiên vị hay không thiên vị một người nào đó có liên quan đến Hợp đồng,

hoặc nếu nhân viên của Nhà thầu, đại lý hoặc các Thầu phụ đưa hoặc có ngò ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) cho người nào đó như phần thưởng để mua chuộc như được mô tả trong phần (f). Tuy nhiên, việc thưởng một cách hợp pháp cho người của Nhà thầu sẽ không cho quyền chấm dứt Hợp đồng.



Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phân (e) hoặc (f), Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi của Chủ đầu tư, theo Hợp đồng hoặc khác Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các hàng hoá cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo (i) chuyển nhượng hợp đồng phụ, và (ii) bảo vệ cuộc sống và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và/hoặc sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này có thể sử dụng bất cứ hàng hoá, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà thầu và các công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi và rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được tính cho Nhà thầu.

15.3 Đánh giá tại ngày chấm dứt (không thay đổi)

15.4 Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng (không thay đổi)

15.5 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư (không thay đổi)

15.6 Hành vi tham nhũng hoặc gian lận (không thay đổi)

16. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

16.1. Quyền của Nhà thầu tạm ngừng công việc (không thay đổi)

16.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu (không thay đổi)

16.3. Ngừng công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu (không thay đổi)

16.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng (không thay đổi)

17. Rủi ro và trách nhiệm

17.1 Bồi thường (không thay đổi)

17.2 Sự cẩn trọng của Nhà thầu đối với công trình (không thay đổi)

17.3 Rủi ro của Chủ đầu tư (không thay đổi)

17.4 Hậu quả các rủi ro của Chủ đầu tư (không thay đổi)

17.5 Quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp (không thay đổi)

17.6 Giới hạn về trách nhiệm

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với Bên kia vì sự mất mát trong sử dụng bất kỳ công trình nào, mất mát về lợi nhuận, mất mát về bất kỳ Hợp đồng nào hay sự mất mát thiệt hại không trực tiếp hay do hậu quả để lại mà Bên kia có thể phải chịu liên quan đến Hợp đồng, ngoài những quy định trong Điều khoản 8.7 (Thiệt hại do chậm trễ); Điều khoản 11.2 (Chi phí sửa chữa các sai sót); Điều khoản 13.9 [Điều chỉnh do không đảm bảo mức tổn thất thủy lực]; Điều khoản 15.4 (Thanh toán sau khi chấm dứt); Khoản 16.4 [Thanh toán khi chấm dứt công trình] và Khoản 17.1 [Bồi thường]; Điều khoản 17.4 (b) (Hậu quả do rủi ro của Chủ đầu tư) và Điều khoản 17.5 [Quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp].

Toàn bộ trách nhiệm pháp lý của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, theo hoặc liên quan đến Hợp đồng ngoài Điều khoản 13.9 [Điều chỉnh do không đảm bảo mức tổn thất thủy lực]; Khoản 17.1 [Bồi thường] và Khoản 17.5 [Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ], phải không được vượt quá 15% Giá trị Hợp đồng.

Khoản này sẽ không giới hạn trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp gian dối, bỏ cuộc cố ý hay cư xử sai trái một cách liêu lĩnh bởi Bên phạm lỗi.

17.7 Sử dụng chỗ ở/phương tiện của Chủ đầu tư (không thay đổi)

18. Bảo hiểm

18.1 Các yêu cầu chung về bảo hiểm

Theo Điều khoản này, đối với mỗi loại bảo hiểm, “Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm” có nghĩa là Bên chịu trách nhiệm thực hiện và duy trì loại hình bảo hiểm đó, được quy định trong Khoản liên quan.

Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu (Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm) mua và trả toàn bộ phí bảo hiểm cho tất cả các loại bảo hiểm được mô tả trong Khoản 18.2 [Đơn bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Bảo hiểm Mọi rủi ro Lắp đặt, Bảo hiểm Trách nhiệm đối với người thứ ba và Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành], Khoản 18.3 [Bảo hiểm Máy móc Trang thiết bị xây dựng], Khoản 18.4 [Bảo hiểm Bồi thường cho người lao động], Khoản 18.5 [Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (cho Đơn vị tư vấn thiết kế/Kỹ sư của Nhà thầu)], Khoản 18.6 [Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển phục vụ dự án (bao gồm Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành theo đơn Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển phục vụ dự án)] và bất kỳ đơn bảo hiểm nào khác mà Nhà thầu cho là cần thiết để hoàn thành trách nhiệm theo Hợp đồng. Phí bảo hiểm của các loại hình bảo hiểm này phải nằm trong Giá trị gói thầu.

Trường hợp Nhà thầu là Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm, tất cả các loại bảo hiểm liên quan tới Hợp đồng Xây dựng (bao gồm nhưng không giới hạn các loại hình bảo hiểm được nêu trong điều 18) phải được thu xếp với (các) Công ty Bảo hiểm có uy tín hiện đang hoạt động ở Việt Nam và theo các điều kiện, điều khoản được Chủ đầu tư. Các điều kiện, điều khoản này phải nhất quán với các điều kiện, điều khoản được cả hai Bên nhất trí trước ngày có Thư chấp thuận. Các điều kiện,

điều khoản đã được chấp thuận sẽ có quyền ưu tiên đứng trước các quy định của Điều khoản này.

Nhà thầu có trách nhiệm để đệ trình tên của Công ty bảo hiểm cùng với (các) bản chào bảo hiểm chính thức để Chủ đầu tư cân nhắc tại thời điểm nộp hồ sơ đấu thầu.

Chủ đầu tư sẽ xem xét và chấp thuận các đơn bảo hiểm mà Nhà thầu có trách nhiệm mua liên quan đến Hợp đồng.

Nhà thầu có trách nhiệm yêu cầu Nhà thầu phụ mua và duy trì các loại bảo hiểm theo yêu cầu của Hợp đồng trong trường hợp những rủi ro đó không được bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm của Nhà thầu.

Nếu có nhiều bên liên đới được yêu cầu bảo hiểm trong cùng một đơn bảo hiểm, đơn bảo hiểm sẽ được áp dụng riêng biệt đối với mỗi bên được bảo hiểm như thể là mỗi bên liên đới đều có một đơn bảo hiểm riêng biệt.

Nếu lại có thêm Bên liên đới được bảo hiểm bổ sung ngoài các Bên đã được ghi rõ tại Điều khoản này, thì

- (i) Nhà thầu phải sẽ đại diện cho Các bên liên đới được bảo hiểm bổ sung này, trừ trường hợp Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho Nhân viên của Chủ đầu tư
- (ii) Bên liên đới được bảo hiểm bổ sung sẽ không được quyền nhận tiền bồi thường trực tiếp từ Công ty Bảo hiểm hoặc liên hệ trực tiếp với Công ty Bảo hiểm, và
- (iii) Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm sẽ phải yêu cầu tất cả các bên liên đới được bảo hiểm bổ sung phải tuân thủ các điều kiện quy định trong đơn bảo hiểm.

Mỗi Đơn bảo hiểm cho sự tổn thất hay thiệt hại tài sản phải được thu xếp theo loại tiền tệ cần thiết để sửa chữa, phục hồi tài sản bị tổn thất hay thiệt hại. Tiền bồi thường nhận được từ công ty bảo hiểm phải được sử dụng cho mục đích sửa chữa, phục hồi tài sản bị tổn thất hay thiệt hại.

Trong thời gian 60 ngày (tính từ ngày phát hành Thư chấp thuận của Chủ đầu tư), Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm có liên quan phải nộp cho bên kia:

- (a) bằng chứng về việc những loại hình bảo hiểm được mô tả trong Điều này đã có hiệu lực, và
- (b) các bản sao các Đơn bảo hiểm được mô tả trong Khoản 18.2 [*Đơn bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Bảo hiểm Mọi rủi ro Lắp đặt, Bảo hiểm Trách nhiệm đối với người thứ ba và Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành*], Khoản 18.3 [*Bảo hiểm Máy móc Trang thiết bị xây dựng*], Khoản 18.4 [*Bảo hiểm Bồi thường cho người lao động*], Khoản 18.5 [*Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (cho Đơn vị tư vấn thiết kế/Kỹ sư của Nhà thầu)*], Khoản 18.6 [*Bảo*

hiểm hàng hóa vận chuyển phục vụ dự án (bao gồm Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành theo đơn Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển phục vụ dự án)]

Giấy chứng nhận bảo hiểm khi tái tục hợp đồng cũng phải được đệ trình bởi Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm cho Bên còn lại ngay khi tái tục hợp đồng (nếu có).

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải chịu trách nhiệm đối với việc chi trả đầy đủ và đúng hạn phí bảo hiểm của các loại hình bảo hiểm mà họ được yêu cầu. Khi phí bảo hiểm của mỗi Đơn bảo hiểm được thanh toán, Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải trình cho Bên kia chứng từ của việc thanh toán. Một khi các bằng chứng hay Đơn bảo hiểm được trình, Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm cũng phải thông báo cho Chủ đầu tư.

Mỗi bên đều phải tuân thủ theo các điều kiện quy định trong mỗi Đơn bảo hiểm. Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải thông báo cho Công ty Bảo hiểm về bất cứ sự thay đổi nào có liên quan đến việc thi công Công trình và phải đảm bảo rằng bảo hiểm sẽ được duy trì theo quy định của Điều này.

Không bên nào có quyền thay đổi các điều kiện, điều khoản của đơn bảo hiểm mà không có chấp thuận trước của Bên kia. Nếu một Công ty Bảo hiểm thay đổi (hay có ý định) thay đổi, thì Bên được Công ty Bảo hiểm thông báo đầu tiên có trách nhiệm thông báo ngay cho bên kia.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm theo điều 18 phải đảm bảo rằng mỗi loại hình bảo hiểm đều có điều khoản có thể chấp nhận được đối với bên kia trong việc : a) yêu cầu (các) công ty Bảo hiểm thông báo cho các bên nếu có vấn đề nào đó liên quan đến hợp đồng bất cứ khi nào Công ty bảo hiểm có thông báo tới một bên hoặc tới nhà thầu phụ; b) yêu cầu Công ty bảo hiểm - trong trường hợp một bên không thực hiện được việc duy trì hợp đồng bảo hiểm - thì phải thông báo bằng văn bản đến các Bên trước khi hủy bỏ hợp đồng.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm mua phải đảm bảo rằng các đơn bảo hiểm đó không thể bị hủy bỏ, giảm số tiền bảo hiểm, bị hạn chế hoặc thay đổi bất cứ điểm nào mà không có sự thông báo trước ít nhất 60 ngày bằng văn bản của (các) Công ty bảo hiểm tới Bên còn lại.

Nếu có bất cứ Đơn bảo hiểm nào được yêu cầu duy trì nhưng không còn hiệu lực hoặc bị hủy bỏ vì bất cứ lý do nào trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải tìm cách thay thế Đơn bảo hiểm đó ngay lập tức.

Nếu Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm không thực hiện và duy trì hiệu lực bảo hiểm như được yêu cầu thực hiện và duy trì hiệu lực theo Hợp đồng này, hoặc không cung cấp bằng chứng thỏa đáng và các bản sao các Đơn bảo hiểm đầy đủ theo Điều khoản này, Bên kia có thể (theo quyền lựa chọn của họ và không gây

phương hại đến các quyền và nghĩa vụ khác) đứng ra thu xếp bảo hiểm có liên quan và thanh toán cho phí bảo hiểm đến hạn. Khi đó, bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải thanh toán lại các khoản phí bảo hiểm cho bên kia và Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Điều khoản này không giới hạn nghĩa vụ, trách nhiệm hay tổn phạt của Nhà thầu hay Chủ đầu tư theo các điều khoản khác của Hợp đồng hay tại bất kỳ điều khoản nào khác. Mọi khoản tiền không được bảo hiểm hay không được bồi thường bởi Công ty Bảo hiểm sẽ do Nhà thầu tự gánh chịu theo quy định về các nghĩa vụ, trách nhiệm hay tổn phạt này. Tuy nhiên, nếu Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm không thu xếp và hoặc không duy trì hiệu lực của bất kỳ đơn bảo hiểm nào được yêu cầu theo hợp đồng, và Bên kia hoặc là không chấp thuận sự sơ suất đó hoặc là không tự đứng ra thu xếp bảo hiểm có liên quan thay cho bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm, mọi khoản tiền mà lẽ ra đã có thể truy đòi từ công ty bảo hiểm nếu đơn bảo hiểm đã được thu xếp sẽ do Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm gánh chịu.

Việc thanh toán bởi một bên cho Bên kia sẽ được tham chiếu vào Khoản 2.5 [Khiếu nại đòi bồi thường của Chủ đầu tư] hay Khoản 20.1 [Khiếu nại đòi bồi thường của Nhà thầu] tùy trường hợp cụ thể.

Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về khả năng thanh toán của bất kỳ công ty bảo hiểm nào của Nhà thầu hoặc về việc Công ty bảo hiểm của Nhà thầu không thanh toán được các khiếu nại.

Nhà thầu phải tuân thủ các điều kiện, điều khoản của (các) đơn bảo hiểm và sẽ phải tự gánh chịu các mức miễn thường của Đơn bảo hiểm khi có sự cố xảy ra. Bất kỳ khoản tiền nào không được bảo hiểm hoặc không truy đòi được từ Công ty bảo hiểm theo Đơn bảo hiểm sẽ do Nhà thầu tự gánh chịu.

Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm thanh toán phí bảo hiểm cho việc gia hạn thời hạn bảo hiểm trong trường hợp Nhà thầu không hoàn tất Công trình trước thời gian hoàn tất/hoặc thời gian hoàn tất đã được mở rộng được quy định tại các điều kiện của Hợp đồng.

Cho dù có điều gì trái ngược được quy định tại các Điều kiện của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ phải thông báo cho Chủ đầu tư ngay khi có biểu hiện cho thấy rằng Công trình sẽ không thể hoàn tất trước thời gian đã định hoặc thời gian hoàn tất đã được mở rộng và khi cần thiết phải thay đổi phạm vi bảo hiểm. Nếu Nhà thầu không thực hiện điều này và trong trường hợp xảy ra khiếu nại đối với Chủ đầu tư và các đơn bảo hiểm được minh chứng là không đầy đủ và không thích hợp cho việc bồi thường, Nhà thầu sẽ là người duy nhất chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư đối với các chi phí và phí tổn phát sinh. Nhà thầu cũng sẽ thông báo cho Chủ đầu tư về bất kỳ sự cố hay hành động sơ suất nào mà có thể sẽ ảnh hưởng đến Đơn bảo hiểm đã được thu xếp hoặc ảnh hưởng đến quyền của Chủ đầu tư trong

việc đòi khiếu nại đòi bồi thường theo các đơn bảo hiểm này.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản trong thời gian sớm nhất về bất cứ sự cố nào có thể dẫn tới khiếu nại đối với một hợp đồng bảo hiểm được nêu trong điều 18 này và phải thông báo về tiến trình liên quan đến việc giải quyết khiếu nại đó. Nhà thầu có trách nhiệm hợp tác với Chủ đầu tư và các bên liên quan trong việc giải quyết bồi thường, nếu có.

18.2 Bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Bảo hiểm Mọi rủi ro Lắp đặt (bao gồm Bảo hiểm Trách nhiệm đối với người thứ ba và Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành)

Bảo hiểm theo Khoản này phải được mua và duy trì bởi Nhà thầu như Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm.

Nhà thầu phải mua Đơn bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Mọi rủi ro Lắp đặt, Bảo hiểm Trách nhiệm đối với người thứ ba và Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành.

Nhà thầu phải mua Đơn bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Mọi rủi ro Lắp đặt/Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành với (các) Công ty bảo hiểm có số vốn pháp định từ 300 tỷ đồng trở lên.

(Các) Công ty bảo hiểm phải có trên 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Bảo hiểm Kỹ thuật, đã bảo hiểm cho ít nhất 3 hợp đồng bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Mọi rủi ro Lắp đặt với số tiền bảo hiểm từ 1000 tỷ đồng trở lên đối với mỗi hợp đồng.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải yêu cầu (các) Công ty bảo hiểm đệ trình thông tin về Nhà tái bảo hiểm đứng đầu (với xác nhận tái bảo hiểm/bản chào tái bảo hiểm) và danh sách/tỷ lệ tham gia của các Nhà tái bảo hiểm khác. Nhà tái bảo hiểm đứng đầu phải được xếp hạng từ A+ trở lên, các nhà tái bảo hiểm tham gia phải xếp hạng từ BBB trở lên theo xếp hạng của tổ chức xếp hạng xếp hạng quốc tế Standard & Poor's.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải yêu cầu (các) Công ty bảo hiểm cung cấp bản chào giá chính thức có xác nhận của Nhà tái bảo hiểm đứng đầu sẽ nhận tái bảo hiểm ít nhất 30% của toàn bộ 100% Số tiền bảo hiểm của Hợp đồng.

18.2.1 Bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Bảo hiểm Mọi rủi ro Lắp đặt (Phần I - Thiệt hại vật chất)

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải bảo hiểm cho công trình, vật tư với số tiền bảo hiểm không thấp hơn giá trị thay thế mới hoặc phục hồi tài sản, bao gồm cả các chi phí phá dỡ, dọn dẹp hiện trường và các chi phí cho chuyên gia. Bảo hiểm này phải có hiệu lực từ ngày bằng chứng về bảo hiểm được đệ trình theo phần (a) của Khoản 18.1 [Yêu cầu chung đối với bảo hiểm], cho đến ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

Loại bảo hiểm này sẽ phải bao gồm điều khoản Từ bỏ thế quyền của Công ty bảo hiểm đối với Chủ đầu tư.

Bảo hiểm theo Khoản này :

(a) áp dụng cho nhiều bên liên đới được bảo hiểm bao gồm Nhà thầu, Chủ đầu tư, Nhà thầu phụ và Đơn vị cung cấp tài chính cho Dự án - những người sẽ cùng có quyền nhận tiền bồi thường từ công ty bảo hiểm, các khoản bồi thường này sẽ được giữ hoặc phân bổ cho các Bên nhằm mục đích duy nhất là sửa chữa, phục hồi tài sản bị tổn thất hay thiệt hại.

(b) bảo hiểm tổn thất hay thiệt hại gây ra bởi bất kỳ rủi ro nào không được liệt kê trong Khoản 17.3 [Các rủi ro của Chủ đầu tư].

(c) bảo hiểm tổn thất hay thiệt hại đối với một phần của Công trình gây ra bởi việc chủ đầu tư sử dụng hay vận hành một phần khác của công trình, và tổn thất hay thiệt hại gây ra bởi các rủi ro liệt kê tại các điểm (c), (g) và (h) của Khoản 17.3 [Các rủi ro của Chủ đầu tư], loại trừ (áp dụng cho mỗi trường hợp) những rủi ro mà không thể bảo hiểm theo góc độ thương mại, với mức miễn thường cho mỗi vụ tổn thất không lớn hơn 10% của tổn thất và

(d) tuy nhiên có thể loại trừ mất mát hay thiệt hại hay việc phục hồi của:

(i) một phần của Công trình bị khuyết tật do các khiếm khuyết trong khâu thiết kế, nguyên vật liệu hay trình độ tay nghề yếu kém (nhưng bảo hiểm vẫn được áp dụng đối với các phần khác của công trình bị tổn thất hay thiệt hại là hậu quả của tình trạng khiếm khuyết này và không như được mô tả tại điểm (ii) dưới đây,

(ii) một phần của Công trình bị tổn thất hay thiệt hại nhằm mục đích phục hồi bất kỳ phần nào khác của Công trình nếu phần khác này bị khuyết tật do các khiếm khuyết trong thiết kế, nguyên vật liệu hoặc tay nghề yếu kém,

(iii) một phần của Công việc được bàn giao cho Chủ đầu tư, trừ trường hợp Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với tổn thất hay thiệt hại, và

(iv) hàng hóa khi đang ở ngoài phạm vi Quốc gia, căn cứ vào khoản 14.5 [Máy móc Thiết bị và nguyên vật liệu dự định dùng cho công trình]

Số tiền bảo hiểm cho Đơn bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Mọi rủi ro Lắp đặt (bảo hiểm Công trình) sẽ là Tổng Giá trị Hợp đồng cộng thêm 5% Tổng Giá trị hợp đồng để bảo hiểm cho Chi phí cho các chuyên gia và cộng thêm 5% Tổng Giá trị hợp đồng để bảo hiểm cho Chi phí dọn dẹp hiện trường sau tổn thất.

18.2.2 Bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Lắp đặt (Phần II - Trách nhiệm đối với người thứ ba)

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải bảo hiểm và duy trì Bảo hiểm Trách nhiệm đối với người thứ ba mà có thể là một phần nằm trong đơn bảo hiểm Mọi rủi ro xây dựng/Mọi rủi ro lắp đặt. Đơn bảo hiểm này bồi thường cho người được bảo hiểm các trách nhiệm pháp lý phát sinh do sự cố tử vong, thương tật thân thể đối với bất cứ người thứ ba nào cũng như các tổn thất, mất mát đối với các tài sản

vật chất của bên thứ ba, xuất phát từ việc thực thi hợp đồng của Nhà thầu và phát sinh trước ngày phát hành Chứng chỉ hoàn công.

Loại bảo hiểm này sẽ được thu xếp với hạn mức trách nhiệm đối với mỗi sự cố không ít hơn USD 5,000,000.00 đối với mỗi sự cố, không giới hạn số lượng sự cố và mức miễn thường tối đa là USD 20,000.00 chỉ áp dụng đối với thiệt hại tài sản.

Bảo hiểm được nêu rõ trong Khoản này:

- (a) phải có các tên chung của các Bên, đồng thời bảo hiểm cho trách nhiệm chéo giữa các bên được bảo hiểm
- (b) phải được mở rộng để bảo hiểm đối với tổn thất hay thiệt hại tài sản của Chủ đầu tư (trừ những tài sản được bảo hiểm theo Khoản 18.2.1) phát sinh do việc thực thi Hợp đồng của Nhà thầu, và
- (c) tuy nhiên, có thể loại trừ trách nhiệm trong phạm vi có thể phát sinh từ:
 - (i) quyền của Chủ đầu tư thực thi các công trình vĩnh cửu tại, trên, dưới, trong hoặc ngang qua bất cứ khu vực đất nào, và chiếm giữ khu vực đất đó cho Công trình vĩnh cửu
 - (ii) thiệt hại là hậu quả không thể tránh khỏi phát sinh từ trách nhiệm của Nhà thầu trong việc thực thi Công trình và chỉnh sửa các khuyết tật, và
 - (iii) một nguyên nhân được nêu trong Khoản 17.3 [Các rủi ro của Chủ đầu tư], ngoại trừ trong chừng mực các Rủi ro này có thể được bảo hiểm theo góc độ thương mại.

18.2.3 Bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Lắp đặt (Phần III - Bảo hiểm cho rủi ro chậm trễ tiến độ vận hành)

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải bảo hiểm và duy trì bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành mà có thể là một phần nằm trong đơn bảo hiểm Mọi rủi ro xây dựng/Mọi rủi ro lắp đặt.

Đơn bảo hiểm này sẽ bồi thường cho Chủ đầu tư khoản lợi nhuận gộp thực tế liên tục do sự sụt giảm trong doanh thu và các chi phí phụ trội gia tăng, nếu trong thời gian bảo hiểm phần công việc của hợp đồng hoặc các phần liên quan chịu những mất mát hoặc thiệt hại được bảo hiểm theo Phần 1 - Thiệt hại vật chất của Đơn bảo hiểm Mọi rủi ro Xây dựng/Lắp đặt, và do đó là nguyên nhân trở ngại đối với công việc xây dựng và làm cho chậm trễ việc vận hành kinh doanh của Chủ đầu tư và/hoặc gây trở ngại cho công việc Kinh doanh của Chủ đầu tư.

Số tiền được chi trả bồi thường bao gồm:

- Đối với những thiệt hại về Lợi nhuận gộp: là tổng số tiền thu được khi áp dụng tỷ lệ Lợi nhuận gộp giữa số tiền doanh thu thực tế bị giảm sút ngắn hạn trong giai đoạn bồi thường so với doanh thu đáng lẽ đạt được trong trường hợp việc chậm trễ không xảy ra.
- Đối với các chi phí phụ trội gia tăng: Những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh nhằm mục đích duy nhất ngăn ngừa hoặc giảm thiểu sự sụt giảm về doanh thu sẽ xảy ra trong giai đoạn bồi thường nếu không có các chi phí này, nhưng

không vượt quá tổng số tiền thu được khi áp dụng tỷ lệ giữa Lợi nhuận gộp với số doanh thu sụt giảm.

Số tiền bảo hiểm cho rủi ro chậm trễ tiến độ vận hành không được thấp hơn USD 15,000,000 cho mỗi và mọi vụ tổn thất trong suốt thời gian bảo hiểm đối với mỗi trường hợp.

Thời gian bồi thường tối đa không nhỏ hơn 18 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành kinh doanh của Chủ đầu tư

Mức miễn thường về thời gian đối với loại bảo hiểm này không vượt quá 60 ngày (là số ngày mà Nhà thầu có thể bị phạt tới mức tối đa là 12% Giá trị Hợp đồng theo Điều 8.7 [Những thiệt hại do sự Chậm trễ]).

18.3 Bảo hiểm trang thiết bị của Nhà thầu

Bảo hiểm theo Khoản này phải được mua và duy trì bởi Nhà thầu như Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm.

Đơn bảo hiểm Máy móc Thiết bị của Nhà thầu phải bảo hiểm mất mát và thiệt hại đối với máy móc, trang thiết bị xây dựng, công cụ dụng cụ, với số tiền không nhỏ hơn giá trị thay thế mới bao gồm cả việc vận chuyển đến địa điểm của Công trình, dù là thuộc sở hữu hay do Nhà thầu thuê mượn và được sử dụng cho mục đích của công trình - đối với các rủi ro, bao gồm nhưng không giới hạn xảy ra do nguyên nhân cháy, sét đánh, nổ, thiên tai...

Bảo hiểm này phải có hiệu lực từ ngày bằng chứng về bảo hiểm được đệ trình theo phần (a) của Khoản 18.1 [Yêu cầu chung đối với bảo hiểm], cho đến ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

Loại bảo hiểm này sẽ phải bao gồm điều khoản Từ bỏ thế quyền của Công ty bảo hiểm đối với Chủ đầu tư.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải mua Đơn bảo hiểm Máy móc thiết bị của nhà thầu với (các) Công ty bảo hiểm có số vốn pháp định từ 300 tỷ đồng trở lên.

18.4 Bảo hiểm nhân lực của Nhà thầu

Bảo hiểm theo Khoản này phải được mua và duy trì bởi Nhà thầu như Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm.

Nhà thầu phải thu xếp và duy trì bảo hiểm trách nhiệm đối với các khiếu nại, thiệt hại, tổn thất và các chi phí (bao gồm chi phí pháp lý và các chi phí khác) phát sinh từ thương tật, ốm đau, bệnh tật hay tử vong của bất kỳ người nào được Nhà thầu thuê bao gồm nhân sự của Các nhà thầu phụ, Nhà Cung cấp hay bất kỳ nhân sự nào khác của Nhà thầu. Đơn bảo hiểm này sẽ được mở rộng để bảo hiểm cho tất cả nhân sự của Nhà thầu tại địa điểm công trình bao gồm cả nhưng người không bị bắt buộc phải có bảo hiểm theo quy định của Luật Lao động và bảo hiểm này

phải đầy đủ và thích hợp để bồi thường cho bất kỳ vụ khiếu nại đòi bồi thường nào phát sinh trong quá trình thực thi Công trình.

Loại hình bảo hiểm này cũng phải bảo hiểm cho Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và các chi phí (bao gồm chi phí pháp lý và các chi phí khác) bắt nguồn từ thương tật, ốm đau, bệnh tật hay tử vong của bất kỳ người nào được Nhà thầu thuê bao gồm nhân sự của Các nhà thầu phụ, Nhà Cung cấp hay bất kỳ nhân viên nào khác của Nhà thầu, trừ trường hợp loại hình bảo hiểm này có thể loại trừ bồi thường cho các thiệt hại và khiếu nại xuất phát từ hành vi hay sự bất cẩn của Chủ đầu tư hoặc nhân viên của Chủ đầu tư.

Loại hình bảo hiểm này phải có hiệu lực và được duy trì trong suốt toàn bộ thời gian nhân sự của Nhà thầu tham gia việc thi công công trình. Đối với các nhân sự của Nhà thầu phụ, bảo hiểm này có thể do Nhà thầu phụ thực hiện, tuy nhiên Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm đối với việc tuân thủ Điều này.

Loại hình bảo hiểm này bồi thường cho tử vong, thương tật vĩnh viễn, thương tật tạm thời và chi phí y tế phát sinh bởi tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Hạn mức trách nhiệm theo bảo hiểm này phải tối thiểu bằng 30 tháng lương đối với mỗi người.

Loại bảo hiểm này sẽ phải bao gồm điều khoản Từ bỏ thế quyền của Công ty bảo hiểm đối với Chủ đầu tư.

18.5 Bảo hiểm Trách nhiệm nghề nghiệp đối với Đơn vị tư vấn/Kỹ sư của Nhà thầu

Bảo hiểm theo Khoản này phải được mua và duy trì bởi Nhà thầu như Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm.

Nhà thầu có trách nhiệm mua và duy trì một hợp đồng bảo hiểm Trách nhiệm nghề nghiệp dành cho Dự án với số tiền bảo hiểm không nhỏ hơn USD 10,000,000.00 mỗi vụ, bảo hiểm cho những trách nhiệm pháp lý phát sinh do hành vi sơ suất, lỗi, sai sót là hậu quả của công việc thiết kế, xây dựng hoặc kết cấu do nhà thầu thực hiện hoặc do Nhà thầu không thể thực hiện được công việc.

Đơn bảo hiểm này phải được mua và duy trì cho đến khi Chứng nhận hoàn thành được phát hành cộng với một khoảng thời gian không dưới 5 năm.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng mỗi đơn vị tư vấn, đều được bảo hiểm Trách nhiệm nghề nghiệp với số tiền không thấp hơn USD 10,000,000.00 mỗi vụ.

Đơn bảo hiểm của mỗi đơn vị tư vấn phải được mua và duy trì cho đến khi Chứng nhận hoàn thành được phát hành cộng với một khoảng thời gian không dưới 5 năm.

Mức miễn thường áp dụng cho mỗi khiếu nại đối với mất mát hoặc tổn thất không vượt quá USD 100,000.00 đối với mỗi sự cố hoặc một loạt sự cố phát sinh do một nguyên nhân. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với mức miễn thường này (mà không được bồi hoàn từ Chủ đầu tư) trong trường hợp phát sinh khiếu nại theo đơn bảo hiểm này.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải mua Đơn bảo hiểm Trách nhiệm nghề nghiệp với (các) Công ty bảo hiểm có số vốn pháp định từ 160 tỷ đồng trở lên.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải yêu cầu (các) Công ty bảo hiểm đệ trình thông tin về Nhà tái bảo hiểm đứng đầu (với xác nhận tái bảo hiểm/bản chào tái bảo hiểm) và danh sách/tỷ lệ tham gia của các Nhà tái bảo hiểm khác. Nhà tái bảo hiểm đứng đầu phải được xếp hạng từ A- trở lên, các nhà tái bảo hiểm tham gia phải xếp hạng từ BBB trở lên theo xếp hạng của tổ chức xếp hạng quốc tế Standard & Poor's.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải yêu cầu (các) Công ty bảo hiểm cung cấp bản chào giá chính thức có xác nhận của Nhà tái bảo hiểm đứng đầu sẽ nhận tái bảo hiểm ít nhất 30% của toàn bộ 100% Giới hạn trách nhiệm.

18.6 Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển phục vụ dự án

Bảo hiểm theo Khoản này phải được mua và duy trì bởi Nhà thầu như Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm.

Nhà thầu phải mua và duy trì Đơn bảo hiểm hàng hóa vận chuyển phục vụ dự án cho các máy móc thiết bị được thiết kế chế tạo phục vụ cho Dự án kể từ thời điểm xếp hàng lên phương tiện vận chuyển tại nơi sản xuất cho đến khi hàng hóa đến nơi và dỡ hàng tại chân công trình. Phạm vi bảo hiểm phải bao gồm phần Thiệt hại vật chất và các thiệt hại có tính hậu quả, chẳng hạn Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành và các chi phí hoạt động gia tăng.

Số tiền bảo hiểm theo Đơn bảo hiểm hàng hóa vận chuyển phục vụ dự án (phần thiệt hại vật chất) không được nhỏ hơn 110% (một trăm mười phần trăm) của giá trị thay thế mới đối với tài sản vận chuyển được bảo hiểm, bao gồm chi phí vận chuyển và bảo hiểm.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải bảo hiểm và duy trì bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành mà có thể là một phần nằm trong đơn Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển phục vụ dự án.

Số tiền bảo hiểm cho rủi ro chậm trễ tiến độ vận hành không được thấp hơn USD 15,000,000 cho mỗi và mọi vụ tổn thất trong suốt thời gian bảo hiểm đối với mỗi trường hợp. Đơn Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành phải bảo hiểm cho Các Chi phí cố định bao gồm chi phí tài chính để đáp ứng trách nhiệm theo hợp đồng) và chi phí lãi vay và các Chi phí hoạt động Gia tăng và chi phí Kiểm toán và các chi phí Chuẩn bị tài liệu để khiếu nại.

Thời gian bồi thường tối đa không nhỏ hơn 18 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành kinh doanh của Chủ đầu tư

Mức miễn thường về thời gian đối với loại bảo hiểm này không vượt quá 60 ngày.

Bên có trách nhiệm thu xếp bảo hiểm phải mua Đơn bảo hiểm Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển phục vụ dự án/Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành với (các) Công ty bảo hiểm có số vốn pháp định từ 300 tỷ đồng trở lên.

(Các) Công ty bảo hiểm phải có trên 3 hợp đồng bảo hiểm Bảo hiểm hàng hóa vận

chuyển phục vụ dự án/Bảo hiểm chậm trễ tiến độ vận hành với số tiền bảo hiểm từ USD 20,000,000 trở lên đối với mỗi hợp đồng.

19. Bất khả kháng

- 19.1 Định nghĩa về bất khả kháng (không thay đổi)
- 19.2 Thông báo về bất khả kháng (không thay đổi)
- 19.3 Nhiệm vụ giảm sự chậm trễ đến thấp nhất (không thay đổi)
- 19.4 Các hậu quả của bất khả kháng (không thay đổi)
- 19.5 Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ (không thay đổi)
- 19.6 Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm (không thay đổi).
- 19.7 Hết trách nhiệm thực hiện (không thay đổi)

20. Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài

- 20.1 Khiếu nại của Nhà thầu (không thay đổi)
- 20.2 Chỉ định Ban xử lý tranh chấp (không áp dụng)
- 20.3 Không thoả thuận về thành phần Ban xử lý tranh chấp (không áp dụng)
- 20.4 Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp (không áp dụng)
- 20.5 Giải quyết ổn thoả (không thay đổi)
- 20.6 Trọng tài

Bất cứ tranh chấp, mâu thuẫn, khiếu nại phát sinh từ hay liên quan đến Hợp đồng này hay một sự vi phạm Hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng sẽ do Trung tâm trọng tài Quốc Tế Việt Nam cạnh Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (<http://www.viac.org.vn>) giải quyết theo luật và thủ tục của Trung tâm.

Luật trọng tài được áp dụng là Luật Việt nam.

- 20.7 Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp (không áp dụng)
- 20.8 Hết hạn việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp (không áp dụng)

